

# CHUYÊN ĐỀ 1: TÌNH YÊU, HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

## BÀI 1: TÌNH YÊU

### I. Mục tiêu

#### 1. Năng lực

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết chủ động trong giao tiếp, tự tin và biết kiểm soát cảm xúc, thái độ khi làm việc nhóm. Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm.

- Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo: Biết thu thập và làm rõ các thông tin liên quan đến tình yêu phù hợp với lứa tuổi.

- Năng lực điều chỉnh hành vi: Hiểu được trách nhiệm của bản thân trong tình yêu và đồng tình, ủng hộ thái độ, hành vi, việc làm phù hợp với các biểu hiện của tình yêu chân chính.

- Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Giải thích được một cách đơn giản một số hiện tượng, vấn đề khi trình bày được thế nào là tình yêu và biểu hiện của tình yêu chân chính.

#### 2. Phẩm chất

- Nhân ái: Quan tâm đến mối quan hệ hài hòa với những người bạn khác giới. Đồng thời, tôn trọng mọi người trong tình yêu chân chính.

- Trách nhiệm: Sẵn sàng chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân khi trình bày những vấn đề liên quan đến chủ thể tình yêu. Có ý thức làm tròn bổn phận của mình trong tình yêu.

### II. Thiết bị dạy học và học liệu

- Phiếu học tập
- Hình ảnh, video, bài hát liên quan đến bài học.
- Bút dạ, giấy A0, A3, máy tính, máy chiếu.

### III. Tiến trình dạy học

#### 1. Hoạt động mở bài/hoạt động khởi động

##### Hoạt động 1: Khởi động

##### a. Mục tiêu

- Tạo không khí vui vẻ, hào hứng cho HS khi bắt đầu bài học.
- HS bước đầu huy động được kiến thức, hiểu biết của mình để kết nối với bài học.

**b. Nội dung:** GV yêu cầu HS tìm những câu ca dao, tục ngữ về tình yêu

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

##### d. Tổ chức thực hiện

- GV cho HS thảo luận theo cặp đôi, giao nhiệm vụ và thời gian
  - GV gọi HS trình bày, các nhóm nhận xét.
- GV KL và dẫn dắt vào bài

#### B. Hoạt động khám phá

##### Hoạt động 2: Thế nào là tình yêu.

**a. Mục tiêu:** HS trình bày được thế nào là tình yêu

**b. Nội dung:** GV yêu cầu HS đọc câu chuyện và trả lời câu hỏi ( Phụ lục 1)

Câu hỏi:

1. em hãy chỉ ra những biểu hiện cảm xúc, tình cảm của 2 nhân vật trong câu chuyện.

2. Theo e những biểu hiện cảm xúc, tình cảm đó có phải là tình yêu không?

3. Em hãy chia sẻ quan niệm của e về tình yêu?

**c. Sản phẩm:**

**d. Tổ chức thực hiện**

- GV cho HS thảo luận nhóm về nội dung câu chuyện và trả lời câu hỏi
- HS tiến hành thảo luận nhoms, thống nhất câu trả lời ghi vào giấy.
- GV quan sát HS, sau đó gọi 2-3 nhóm lên chia sẻ sản phẩm thảo luận, các nhóm khác nhận xét, góp ý.
- GV nhận xét, kết luận và đưa ra quan niệm về tình yêu.
- Khái niệm về tình yêu

**Hoạt động 3: Biểu hiện của tình yêu chân chính**

**a. Mục tiêu:** HS trình bày được biểu hiện của tình yêu chân chính

**b. Nội dung:** GV tổ chức cho HS đọc câu chuyện thảo luận và trả lời câu hỏi:

Câu hỏi:

1. Tình yêu của Khuyên và Đức được thể hiện như thế nào? Đó có phải là tình yêu chân chính không?

2. Theo em, tình yêu chân chính sẽ có những biểu hiện nào?

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về các biểu hiện của tình yêu chân chính.

**d. Tổ chức thực hiện**

- GV cho HS thảo luận nhóm đưa ra các tranh luận
- HS tiến hành thảo luận, thống nhất ý kiến vào giấy.
- GV cho các nhóm lên chia sẻ sản phẩm thảo luận, các nhóm nhận xét, phản hồi.
- GV nhận xét, kết luận và đưa ra quan niệm về tình yêu:

Biểu hiện của tình yêu chân chính: Chung thủy, quan tâm, chân thành, Tôn trọng, bao dung và vị tha.

**Hoạt động 3: Một số điều cần tránh trong tình yêu**

**a. Mục tiêu:** HS trình bày được một số điều cần tránh trong tình yêu

**b. Nội dung:** GV tổ chức cho HS thảo luận trường hợp và trả lời câu hỏi

*Trường hợp 1:* Q cho rằng trong tình yêu cần phải xác định rõ ràng mình sẽ có được những lợi ích gì?

*Trường hợp 2:* T luôn tâm niệm nếu đã yêu một ai thì sẽ yêu đến cùng cho dù người đó không yêu mình và cùng 1 lúc có thể yêu nhiều người.

*Trường hợp 3:* V nghĩ rằng không nên phân biệt giàu nghèo trong tình yêu mà quan trọng là sự quan tâm thấu hiểu và đồng cảm.

Câu hỏi: 1. Em có đồng tình và không đồng tình với ý kiến của nhân vật nào trong 3 trường hợp trên.

**2. Theo em, Trong tình yêu cần tránh những điều gì?**

**c. Sản phẩm:**

**d. Tổ chức thực hiện**

- GV cho HS thảo luận nhóm phân tích các trường hợp, đưa ra các tranh luận.
- HS tiến hành thảo luận nhóm...
- GV quan sát và cho các nhóm lên chia sẻ sản phẩm
- GV nhận xét, kết luận và đưa ra những điều cần tránh trong tình yêu

**C. Hoạt động luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS rèn luyện và củng cố hiểu biết của bản thân về tình yêu, các biểu hiện của tình yêu chân chính và một số điều cần tránh trong tình yêu.

**b. Nội dung:** GV cho HS làm bài tập trắc nghiệm

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS

**1.**

Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào sau đây? vì sao?

- a. Nếu không có sự hoà hợp về tâm hồn và khát khao gần gũi, chia sẻ thì đó không phải là tình yêu đôi lứa.
- b. Không nên quan hệ tình dục khi không có ý định gắn bó cùng nhau lâu dài.
- c. Quan hệ tình dục sớm là điều hoàn toàn bình thường, nhất là trong xã hội hiện đại.

Tuổi học trò mà không yêu thì thật là đáng tiếc.

**2.** Em hãy nhận xét hành vi của các nhân vật sau:

- a. Cho rằng mình đã gặp được tình yêu “sét đánh”, S liền tỏ tình ngay lập tức với một bạn nữ mới quen qua mạng.
- b. K yêu hai người cùng một lúc vì cho rằng làm thế để dự phòng, nhờ một trong hai người rời bỏ mình thì vẫn còn người yêu thương mình.
- c. Mặc dù nhiều bạn chê người yêu của H không xinh, nhà nghèo nhưng H vẫn luôn bảo vệ người Yêu mình vì theo H đó là cô gái giàu nghị lực, học giỏi và tốt bụng.
- d. Q luôn yêu cầu người yêu phải nghe theo mình mọi việc vì cho rằng, đó mới là sự hoà hợp trong tình yêu.

**3.** Em sẽ xử lí như thế nào nếu là các bạn trong những tình huống sau?

- a. Trong lớp, Q rất quý C vì C học giỏi, lại thường giúp đỡ Q. Một lần, Q được C tặng bưu thiếp, trong đó có viết dòng chữ “Tớ yêu cậu!”. Q cũng không rõ tình cảm mình dành cho C có phải là tình yêu không nên rất bối rối, không biết phải làm thế nào.
- b. Vội làm quen và yêu một người qua mạng xã hội nhưng khi gặp mặt, B nhận thấy người đó có nhiều điểm không phù hợp nên đã nói lời chia tay. Tuy nhiên, người đó vẫn tìm mọi cách theo đuổi và đe dọa khiến B rất lo sợ nhưng không biết phải làm gì.
- c. D và T là đôi bạn gái thân thiết. Gần đây, D thấy T có những biểu hiện rất lạ: quan tâm quá mức tới D (nhắm tay, vuốt tóc, ôm, tặng quà, ghen tức khi thấy D nói chuyện thân mật với các bạn nam,...). D rất ngại ngùng, không biết nên ứng xử như thế nào với T.

**4. Em có lời khuyên gì dành cho các bạn trong mỗi trường hợp sau?**

- a. B rất thích một bạn cùng lớp nhưng bạn lại không thích B nên B cảm thấy rất đau khổ vì điều đó.
- b. Một bạn cùng lớp tỏ tình khiến G cảm thấy rất khó chịu và định công khai chuyện này lên mạng xã hội.

c. Đ và V yêu nhau nhưng bố mẹ hai bên đều ngăn cấm quyết liệt với lí do các bạn đang học lớp 10, việc yêu đương sẽ ảnh hưởng không tốt đến kết quả học tập. Hai bạn lên kế hoạch bỏ học, trốn nhà đi làm thuê ở một nơi thật xa.

d. P và Q yêu nhau khi đang học lớp 10. Vì mãi yêu đương nên cả hai đều học hành sa sút

#### **D. Hoạt động vận dụng**

a. Mục tiêu: HS hiểu và thực hiện được một số việc cần tránh trong tình yêu và xác định đúng được các biểu hiện của một tình yêu chân chính

b. Nội dung: GV yêu cầu HS đưa ra ý kiến của cá nhân

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện

1. Em hãy viết một bài thuyết trình bày tỏ suy nghĩ về tình yêu tuổi học trò.

2. Em hãy thiết kế một áp phích tuyên truyền về một số điều cần tránh trong tình yêu.

\*\*\*\*\*

### **BÀI 2: HÔN NHÂN**

#### **I. MỤC TIÊU**

##### **1. Về kiến thức ;**

Sau bài học này, HS sẽ:- *Nêu được khái niệm hôn nhân và các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn.*

*-Nêu được những điểm cơ bản của chế độ hôn nhân ở nước ta hiện nay*

##### **2. Năng lực**

##### **- Năng lực chung:**

- + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về hôn nhân
- + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thảo luận, khảo sát và viết báo cáo khảo sát về hôn nhân
- + Giải quyết vấn đề sáng tạo ở những tình huống liên quan đến hôn nhân

##### **- Năng lực riêng:**

+ *Năng lực điều chỉnh hành vi*: Hiểu được trách nhiệm của công dân trong thực hiện luật hôn nhân ; Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về hôn nhân; Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi, việc làm phù hợp với chuẩn mực đạo đức và chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; Phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi, việc làm vi phạm chuẩn mực đạo đức trong hôn nhân

+ *Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội*: Tìm hiểu và bước đầu đưa ra các quyết định hợp lý và tham gia giải quyết được một số vấn đề hôn nhân bằng các hành vi, việc làm phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật và lứa tuổi.

### 3. Phẩm chất

- Trung thực và có trách nhiệm với việc thực hiện vấn đề liên quan tới hôn nhân
- Yêu nước, tin tưởng vào đường lối phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

### 1. Đối với giáo viên

- SCD, SGK, SBT Giáo dục kinh tế và pháp luật 10, Giáo án.
- Tranh ảnh, clip và các mẫu chuyện về hôn nhân
- Đồ dùng đơn giản để sắm vai.

2. **Đối với học sinh.** SGK ; Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học *hôn nhân*

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

### A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

**a. Mục tiêu:** Huy động những kiến thức, kinh nghiệm, kĩ năng của HS về những vấn đề có liên quan đến hôn nhân; tạo hứng thú học tập cho HS, dẫn dắt HS vào bài học mới.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS sắm vai và trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS sắm vai, trả lời câu hỏi câu trả lời hỏi về hôn nhân

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu nhiệm vụ cho HS: *Em cùng các bạn xây dựng một tiểu phẩm ngắn, sắm vai về hôn nhân , thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi:*

*a. Quan hệ hôn nhân trong tình huống trên được thể hiện như thế nào?*

*b. Hãy chia sẻ hiểu biết của em quy định của PL về hôn nhân?*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS sắm vai, thực hiện tình huống và trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện HS sắm vai và thực hiện nhiệm vụ:
  - Quan hệ hôn nhân trong tình huống trên được thể hiện là quan hệ giữa A với B. ...*
  - PL quy định, tuổi KH, ĐK kết hôn.....*
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

#### **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

- GV dẫn dắt HS vào bài học: *Chúng ta vừa xem đóng vai về quan hệ hôn nhân : Hôn nhân là việc hệ trọng trong cuộc đời mỗi người, có ảnh hưởng lớn đến sự bền vững của gia đình và sự phát triển của xã hội. Mặc dù ngày nay đã có nhiều thay đổi trong quan niệm sống nhưng hôn nhân vẫn còn nguyên giá trị. Để có một cuộc hôn nhân hạnh phúc, mỗi người cần hiểu đúng về bản chất của hôn nhân với những điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, khi chuẩn bị tham gia vào quan hệ hôn nhân, với vai trò khác nhau, mỗi chúng ta cần hiểu rõ các vấn đề có liên quan. Để tìm hiểu rõ những vấn đề này, chúng ta cùng vào bài học ngày hôm nay – **Bài 2; Hôn nhân***

### **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

#### **1. Hoạt động 1: Khái niệm hôn nhân và các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn**

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS nêu được khái niệm, các quy định của PL về hôn nhân.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề; HS làm việc cá nhân, đọc thông tin SGK tr.10, 11,12 và trả lời câu hỏi về hôn nhân.

**c. Sản phẩm học tập:** HS trả lời và ghi được vào vở khái niệm, quy định pl về hôn nhân

**d. Tổ chức hoạt động:**

#### **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin mục a SGK tr.10 , 11 và trả lời câu hỏi:

*1/ Chia sẻ suy nghĩ, cảm nhận của em về tình cảm vợ chồng trong bài thơ “Em soi gương”. Theo em, hôn nhân là gì?*

*2/ Em đồng tình với ý kiến của bố hay chú của anh K? Nêu hiểu biết của em về các thủ tục pháp lý trước khi tổ chức đám cưới?*

- GV yêu cầu HS làm việc nhóm 4 đọc thông tin mục b, SGK tr.11, 12 và trả lời câu hỏi:

*1 / Vì sao ở trường hợp 1, Ủy ban nhân dân xã không cấp giấy chứng nhận kết hôn cho Y và T mặc dù hai bạn yêu nhau?*

*2/ Vì sao ở trường hợp 2, Ủy ban nhân dân xã vẫn cấp giấy chứng nhận kết hôn cho anh Q và chị V mặc dù gia đình hai bên không đồng ý?*

*3/ Em hãy nêu thêm ví dụ về các trường hợp kết hôn tuân thủ hoặc không tuân thủ quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn?*

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin mục c SGK tr.12 và trả lời câu hỏi:

*1. Em hãy chỉ ra những hành vi vi phạm quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn trong từng trường hợp trên.*

2. Em hãy nêu thêm các ví dụ minh họa về những hành vi vi phạm chế độ hôn nhân theo quy định của LHN và GĐ năm 2014?

- GV dẫn HS đọc phần Ghi nhớ, rút ra kết luận:

### **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS đọc thông tin SGK tr.10,11,12, thảo luận và trả lời câu hỏi về hôn nhân.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

### **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện nhóm, mời đại diện HS trả lời câu hỏi hoạt động 1.

- GV mời đại diện HS rút ra kết luận hôn nhân là gì. **Các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn, các hành vi vi phạm chế độ hôn nhân theo quy định của pháp luật Việt Nam**

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

### **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới

- Trả lời câu hỏi :

1. Tình cảm yêu thương, gắn bó mật thiết giữa vợ và chồng, họ kết hôn và sống chung với nhau, cùng xây dựng gia đình hạnh phúc...

2. Đồng tình với ý kiến của chú của anh K. Thủ tục pl trước khi kết hôn là phải đến chính quyền địa phương để đăng ký kết hôn theo QĐ của PL...

Trả lời câu hỏi TL nhóm 4:

1. Ủy ban nhân dân xã không cấp giấy chứng nhận kết hôn cho Y và T vì hai bạn chưa đủ tuổi KH

2. Ủy ban nhân dân xã vẫn cấp giấy chứng nhận kết hôn cho anh Q và chị V mặc dù gia đình hai bên không đồng ý vì họ đủ tuổi, yêu và tự nguyện đến với nhau

3. Ví dụ về các trường hợp kết hôn tuân thủ hoặc không tuân thủ quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn: ...

Trả lời câu hỏi về : **Hành vi vi phạm chế độ hôn nhân theo quy định của pháp luật Việt Nam**

- chị o muốn sang định cư tại Mỹ và nhờ anh K giúp đỡ bằng cách đồng ý kết hôn với chị. Hai bên sẽ li hôn sau khi chị o được nhập quốc tịch và cư trú : đây là hành vi kết hôn giả, vi phạm PL

- Khi D dẫn M về nhà chơi thì mọi người hỏi thăm mới biết M chính là con đẻ của. D vẫn cùng M đi đăng ký kết hôn rồi cùng nhau lên thành phố, Vậy M và D đã vi phạm quy định cấm K được kết hôn. Việc tổ chức cho họ đăng ký KH là sai...

- VD....

- Hôn nhân là quan hệ giữa vợ và chồng sau khi kết hôn, thể hiện nghĩa vụ và quyền lợi giữa hai vợ chồng, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

- Hôn nhân được đánh dấu bằng việc kết hôn. Kết hôn là việc nam nữ xác lập quan hệ vợ chồng theo quy định của pháp luật. Kết hôn là quyền cơ bản của con người, là cơ sở xây dựng gia đình, nhằm duy trì và phát triển xã hội. Kết hôn là cơ sở pháp lý để Nhà nước bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên trong quan hệ hôn nhân. Kết hôn có vai trò quan trọng đối với đời sống hôn nhân và gia đình. Thông qua việc đăng ký kết hôn, Nhà nước kiểm soát được việc tuân thủ pháp luật về điều kiện kết hôn, nhằm đảm bảo cho việc kết hôn được xác lập phù hợp với lợi ích gia đình và xã hội.

**- Các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn**

**Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 (trích)**

**Điều 8. Điều kiện kết hôn**

1. Nam, nữ kết hôn với nhau phải tuân theo các điều kiện sau đây:
  - a) Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên;
  - b) Việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định;
  - c) Không bị mất năng lực hành vi dân sự;
  - d) Việc kết hôn không thuộc một trong các trường hợp cấm kết hôn theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 5 của Luật này.
2. Nhà nước không thừa nhận hôn nhân giữa những người cùng giới tính.

**Hành vi vi phạm chế độ hôn nhân theo quy định của pháp luật Việt Nam**  
quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Kết hôn giả tạo, li hôn giả tạo;

Tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, lừa dối kết hôn, cản trở kết hôn;

Người đang có vợ, có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người khác hoặc chưa có vợ, chưa có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người đang có chồng, có vợ;

- d) Kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng giữa những người cùng dòng máu về trực hệ; giữa những người có họ trong phạm vi ba đời; [...]
- đ) Yêu sách của cải trong kết hôn.

## **Hoạt động 2: Tìm hiểu Đặc điểm cơ bản của chế độ hôn nhân ở Việt Nam hiện nay**

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS nêu được đặc điểm cơ bản của chế độ hôn nhân ở Việt Nam hiện nay

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS hoạt động nhóm 4, đọc trường hợp sau để trả lời câu hỏi, HS rút ra được kết luận về đặc điểm của chế độ hôn nhân ở Việt Nam hiện nay

**c. Sản phẩm:** HS nêu và ghi được vào vở đặc điểm của chế độ hôn nhân ở Việt Nam hiện nay

**d. Tổ chức hoạt động:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm 4, đọc trường hợp SCD Tr 13 và trả lời các câu hỏi:

*1/ Cuộc hôn nhân của ông bà trong trường hợp trên có những đặc điểm gì?*

*2/ Em hãy so sánh hôn nhân của ông bà và hôn nhân của con cháu trong trường hợp trên, từ đó chỉ ra đặc điểm của chế độ hôn nhân ở Việt Nam hiện nay.*

- GV hướng dẫn HS đọc nội dung phần ghi nhớ, rút ra kết luận và cho biết:

*Chế độ hôn nhân ở Việt Nam hiện nay có đặc điểm gì?*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS đọc các trường hợp SCD Tr 13, đọc phần ghi nhớ, hoạt động nhóm 4 và trả lời câu hỏi

- GV hướng dẫn theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần thiết)

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi của hoạt động 2.

- GV mời đại diện HS trình bày đặc điểm của chế độ hôn nhân ở Việt Nam hiện nay.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

Nội dung hoạt động:

- *Hôn nhân tự nguyện:* Cá nhân được tự do kết hôn theo luật định.

- *Hôn nhân tiến bộ:* Hôn nhân được pháp luật công nhận và bảo vệ: Nam nữ yêu nhau, muốn kết hôn sẽ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn. Pháp luật công nhận hôn nhân của nam nữ qua việc cấp giấy chứng nhận kết hôn và được Nhà nước bảo vệ hôn nhân khi có vấn đề xảy ra trong quan hệ vợ chồng. Hôn nhân tự nguyện và tiến bộ còn đảm bảo quyền được li hôn. Li hôn là cần thiết khi tình yêu đã hết, cuộc sống chung gây nên nỗi khổ cực cho các thành viên trong gia đình. Tuy nhiên, việc li hôn chỉ là bất đắc dĩ vì nó gây ra nhiều hậu quả xấu cho gia đình, đặc biệt là các con.

- *Hôn nhân một vợ một chồng:* Bản chất của tình yêu là không thể chia sẻ nên hôn

nhân dựa trên cơ sở tình yêu chân chính là hôn nhân một vợ một chồng; vợ chồng chung thủy, yêu thương, giúp đỡ lẫn nhau.

- *Vợ chồng bình đẳng trong hôn nhân*: Hôn nhân bền vững dựa trên cơ sở vợ chồng bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau. Vợ chồng có nghĩa vụ, quyền và lợi ích ngang nhau trong gia đình; tôn trọng ý kiến, nhân phẩm và danh dự của nhau; có ý thức tự giác thực hiện trách nhiệm của mình trong gia đình.

### **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** HS củng cố kiến thức vừa khám phá, rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống, hành vi có liên quan đến chế độ hôn nhân ở Việt Nam hiện nay.

**b. Nội dung:** GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi bài tập 1,2,3 phần luyện tập SCĐ tr 13,14; HS vận dụng kiến thức đã học, vận dụng kiến thức thực tế, liên hệ bản thân và thực hiện nhiệm vụ.

#### **c. Sản phẩm:**

- HS nêu được quan điểm đồng tình hay không đồng tình với ý kiến và giải thích được vì sao.

- HS đưa ra được nhận xét về hành vi của các nhân vật trong mỗi trường hợp.

- HS đưa ra được lời khuyên cho mỗi nhân vật trong các trường hợp.

#### **d. Tổ chức thực hiện:**

**Nhiệm vụ 1: Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào sau đây? vì sao?**

##### **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

- GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân, đọc các ý kiến SCĐ Tr 13 và trả lời các câu hỏi:

##### **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS vận dụng kiến thức đã học, hoạt động cá nhân và thực hiện nhiệm vụ.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết)

##### **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời HS trình bày kết quả hoạt động trước lớp:

a. Không đồng tình, vì thông qua việc đăng ký kết hôn. Nhà nước mới kiểm soát được việc tuân thủ pháp luật về điều kiện kết hôn, nhằm đảm bảo cho việc kết hôn được xác lập phù hợp với lợi ích gia đình và XH

b. Không đồng tình, vì ngoài điều kiện về độ tuổi, nam nữ kết hôn cần có những điều kiện khác (điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014)

c. Đồng tình, vì đó là bản chất của hôn nhân tiến bộ

d. Đồng tình, vì hôn nhân tiến bộ phải dựa trên cơ sở tình yêu chân chính.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

##### **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và chuyển sang bài tập mới.

**Nhiệm vụ 2: Em hãy dựa trên Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để nhận xét về hành vi của các nhân vật trong mỗi trường hợp sau:**

##### **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

- GV yêu cầu HS hoạt động cặp đôi, đọc các hành vi SCD Tr 114 và trả lời các câu hỏi:

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS vận dụng kiến thức đã học, hoạt động cặp đôi và thực hiện nhiệm vụ.
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS ( nếu cần thiết)

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời HS trình bày kết quả hoạt động trước lớp:

*a. Đó là hành vi vi phạm luật hôn nhân và gia đình năm 2014 ( Điều 9 – đăng kí kết hôn )*

*b. Anh M có hành vi vi phạm pháp luật – Vi phạm điểm C khoản 2 điều 5 luật hôn nhân và gia đình năm 2014 ( Một trong các trường hợp cấm kết hôn)*

*c. Việc làm của ông bà Q mặc dù xuất phát từ tình thương đối với co trai đã vi phạm điểm C khoản 1 điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 ( Không bị mất năng lực hành vi dân sự)*

*d. Bố mẹ anh H vi phạm điểm b khoản 2 điều 5 luật hôn nhân và gia đình năm 2014 ( Cản trở kết hôn )*

*Anh H và chị O quyết tâm bảo vệ tình yêu là đúng.*

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và chuyển sang bài tập mới.

**Nhiệm vụ 3: Em có lời khuyên gì dành cho các nhân vật trong các trường hợp sau?**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

- GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân, đọc các trường hợp SCD Tr 114 và trả lời các câu hỏi:

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS vận dụng kiến thức đã học, hoạt động cá nhân và thực hiện nhiệm vụ.
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS ( nếu cần thiết)

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời HS trình bày kết quả hoạt động trước lớp:

*a. Khuyến khích các bạn hãy tìm việc làm, có điều kiện kinh tế để đảm bảo ổn định cuộc sống gia đình rồi hãy kết hôn*

*b. Khuyến L không nên vội lấy chồng vì tuổi còn trẻ, cần dành thời gian học tập, lập nghiệp, sau này gặp người thực sự yêu thương mình mới nên kết hôn.*

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết vấn đề, nhiệm vụ liên quan đến vấn đề hôn nhân.

**b. Nội dung:** GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 1,2,3 phần vận dụng SCD Tr 15; HS vận dụng kiến thức đã học, sưu tầm ca dao, tục ngữ,... để thực hiện nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm học tập:**

- Ca dao tục ngữ về hôn nhân.
- Bài viết nhận xét, và bài học rút ra cho bản thân.
- Tiểu phẩm về hôn nhân.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

- GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân, làm bài tập 1,2,3 phần vận dụng sách CD Tr 15
- GV hướng dẫn HS :

+ Bài tập 1: *HS sử dụng mạng XH để sưu tầm câu ca dao, tục ngữ về hôn nhân.*

+ Bài tập 2: HS viết nhận xét, rút ra bài học về một hành vi về hôn nhân.

+ Bài tập 3: GV gợi ý

HS xác định nội dung, lựa chọn tác phẩm.

Tìm kiếm, xử lý thông tin.

Xây dựng ý tưởng, sáng tác kịch bản.

Tập và biểu diễn

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thực hiện nhiệm vụ sau giờ học theo sự hướng dẫn của GV
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS ( nếu cần thiết)

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS báo cáo kết quả vào tiết học sau

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và kết thúc tiết học.

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ôn tập lại nội dung kiến thức đã học
- Đọc và tìm hiểu trước nội dung kiến thức bài 3: *Gia đình*

\*\*\*\*\*

## **BÀI 3: GIA ĐÌNH**

### **I. MỤC TIÊU**

#### **1. Về kiến thức**

- Nêu được khái niệm gia đình và các chức năng của gia đình; những điểm cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình ở nước ta hiện nay.
- Trình bày được các yếu tố xây dựng gia đình hạnh phúc.
- Xác định được trách nhiệm của các thành viên trong mối quan hệ gia đình.

- Thực hiện được trách nhiệm của bản thân trong gia đình ‘

#### **2. Về năng lực**

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về gia đình, những điểm cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình ở nước ta hiện nay, các yếu tố xây dựng gia đình hạnh phúc, trách nhiệm của các thành viên trong mối quan hệ gia đình.

+ Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập,

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến các vấn đề trong gia đình.

- Năng lực đặc thù:

+ Năng lực điều chỉnh hành vi: Hiểu được trách nhiệm của công dân trong việc góp phần xây dựng gia đình hạnh phúc; Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác về gia đình; Thực hiện trách nhiệm của bản thân trong gia đình bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với độ tuổi và quy định của pháp luật; Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi, việc làm phù hợp với quy định của pháp luật về gia đình; Phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi, việc làm ảnh hưởng tới hạnh phúc gia đình.

+ Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Hiểu được một số vấn đề cơ bản về gia đình; Bước đầu đưa ra các quyết định hợp lý và tham gia giải quyết được một số vấn đề của cá nhân, gia đình và cộng đồng bằng các hành vi, việc làm phù hợp với chính sách, pháp luật của Nhà nước.

### 1. Về phẩm chất

- Trung thực và có trách nhiệm công dân khi thực hiện Hiến pháp và pháp luật.

- Yêu nước, tin tưởng và chấp hành nghiêm chỉnh chính sách, pháp luật của Nhà nước.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

-SCD, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10.

### 1. MỞ ĐẦU

a) **Mục tiêu:** Khai thác vốn sống, trải nghiệm, sự hiểu biết ban đầu của HS về gia đình và dẫn dắt vào bài học mới.

b) **Tổ chức thực hiện:**

GV yêu cầu hs. Hãy hát một vài bài hát về gia đình và chia sẻ cảm nhận, suy nghĩ của em qua bài hát đó?

GV nhận xét và dẫn dắt:

Gia đình là tế bào của xã hội, nơi sinh ra, nuôi dưỡng và giáo dục thế hệ tương lai, nơi gìn giữ và phát triển các nét đặc trưng văn hoá truyền thống của một dân tộc, quốc gia. Một gia đình hạnh phúc cần được xây dựng trên cơ sở tình yêu chân chính và hôn nhân tiến bộ. Qua bài học, chúng ta sẽ hiểu hơn về các chức năng của gia đình, những đặc điểm của gia đình Việt Nam hiện nay, từ đó xác định được trách nhiệm của bản thân trong việc góp phần xây dựng gia đình hạnh phúc.

### 2. KHÁM PHÁ

#### Hoạt động 1 . Khái niệm gia đình và các chức năng cơ bản của gia đình

a) **Mục tiêu:** Nêu được khái niệm gia đình và các chức năng của gia đình

b) **Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS thảo luận cặp đôi, đọc các thông tin trong

SGK và trả lời câu hỏi.

c) **Sản phẩm:** Hoàn thiện các câu hỏi, Chỉ ra được khái niệm gia đình và các chức năng của gia đình, chốt kiến thức.

d) **Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi, đọc các thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/. Chia sẻ suy nghĩ, cảm nhận của em về tình cảm gia đình trong câu chuyện trên. Em hiểu thế nào là gia đình?

2/ Trong gia đình anh Tuấn và chị Liên có những mối quan hệ gì?

3/ Gia đình anh Tuấn, chị Liên đã thực hiện những chức năng gì của gia đình? Gia đình là một tập hợp người gắn bó với nhau bởi quan hệ hôn nhân, huyết thống hoặc quan hệ nuôi dưỡng, làm phát sinh các quyền và nghĩa vụ giữa họ với nhau.

- GV mời đại diện các nhóm trả lời câu hỏi, các nhóm khác góp ý, bổ sung.

- GV nhận xét và chốt kiến thức:

Các chức năng cơ bản của gia đình:

- Chức năng tái sản xuất con người:

- Chức năng kinh tế và tổ chức đời sống gia đình:

- Chức năng nuôi dưỡng, giáo dục, hình thành nhân cách:

- Chức năng thoả mãn nhu cầu vật chất và tinh thần:.

**Hoạt động 2. Những điểm cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình ở nước ta hiện nay**

a. **Mục tiêu:** HS nêu được những điểm cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình ở nước ta hiện nay.

b. **Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS thảo luận nhóm đọc các thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi.

c. **Sản Phẩm:** Hoàn thiện các câu hỏi, chỉ ra những điểm cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình ở nước ta hiện nay, Chốt kiến thức.

d. **Tổ chức thực hiện:** GV trình bày vấn đề, HS thảo luận nhóm, đọc các thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi.

\* **Tính thống nhất**

-GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, đọc các thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

- Hãy nêu những điểm ưu việt của chế độ hôn nhân và gia đình Việt Nam hiện nay.

- GV mời đại diện HS các nhóm trả lời câu hỏi, các HS nhóm khác góp ý, bổ sung.

- GV nhận xét và chốt kiến thức:

**Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:**

## ***Điều 2. Những nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình (trích)***

1. Xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không phân biệt đối xử giữa các con,
2. Nhà nước, xã hội và gia đình có trách nhiệm bảo vệ, hỗ trợ trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật thực hiện các quyền về hôn nhân và gia đình; giúp đỡ các bà mẹ thực hiện tốt chức năng cao quý của người mẹ; thực hiện kế hoạch hoá gia đình.
3. Kế thừa, phát huy truyền thống văn hoá, đạo đức tốt đẹp của dân tộc Việt Nam về hôn nhân và gia đình.

### **Hoạt động 3. Các yếu tố xây dựng gia đình hạnh phúc**

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc các thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

- *1/ Em hãy nêu những yếu tố tạo nên hạnh phúc trong gia đình ông c.*
- *2/ Theo em, thế nào là một gia đình hạnh phúc*
- GV mời HS trả lời câu hỏi, các HS khác góp ý, bổ sung.
- GV nhận xét và chốt kiến thức:

#### **1. Các yếu tố cần có để xây dựng một gia đình hạnh phúc:**

- *Tình yêu thương:* Tình yêu thương là sức đề kháng mạnh nhất của gia đình trước những bất trắc của cuộc đời; là chỗ dựa vững chắc để mỗi thành viên hiểu rằng, mình luôn được gia đình ủng hộ, những khó khăn mình trải qua sẽ có người san sẻ.
- *Sự cảm thông, chia sẻ về vật chất và tinh thần giữa các thành viên trong gia đình:* Sự chia sẻ về vật chất thể hiện bằng việc bố mẹ lo cho con cái ăn, mặc, học hành; vợ chồng chia sẻ với nhau về công việc gia đình, về tài chính trong kinh doanh; anh chị em hỗ trợ nhau lúc khó khăn,... Sự chia sẻ về tinh thần giữa các thành viên trong gia đình thể hiện qua việc tâm sự, lắng nghe, thấu hiểu, an ủi, khuyên nhủ nhau,... để vượt bớt những buồn lo và có niềm tin, định hướng đúng trong cuộc đời.
- *Niềm tin:* cần nuôi dưỡng niềm tin giữa các thành viên trong gia đình, tránh phá huỷ hạnh phúc bởi sự ghen tuông, nghi kỵ.
- *Sự tôn trọng:* Trong gia đình, ngoài những điều chung, ai cũng có cá tính, sở thích, mong muốn, suy nghĩ riêng. Tôn trọng sở thích, mong muốn chính đáng của mỗi thành viên sẽ hạn chế được những tranh cãi, xung đột, giúp gia đình hoà thuận hơn.
- *Lòng bao dung, vị tha:* Biết tha thứ cho lỗi lầm của người khác, biết sống vì

người khác là yếu tố quan trọng để xây dựng một gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, vị tha, bao dung không có nghĩa là âm thầm chịu đựng mà nên chia sẻ cho nhau nghe về cảm xúc, suy nghĩ của mình để tìm cách giải quyết những bất đồng và để người mắc lỗi có cơ hội sửa chữa lỗi lầm của bản thân.

- *Làm tròn nghĩa vụ, bốn phận:* A\ trong gia đình cũng có nghĩa vụ và bốn phận riêng. Làm tròn nghĩa vụ, bốn phận với gia đình sẽ là bước đệm để mỗi công dân thực hiện nghĩa vụ với xã hội và đất nước.

Hiểu được những yếu tố của một gia đình hạnh phúc, mỗi người sẽ nhận thức rõ được vai trò của bản thân và cùng nhau xây dựng, vun đắp một tổ ấm thật sự cho những người thân yêu trong gia đình.

#### **Hoạt động 4: Trách nhiệm của các thành viên trong gia đình**

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc các thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

1 / *Các thành viên trong gia đình đã thể hiện tình cảm, trách nhiệm của mình đối với gia đình như thế nào qua các trường hợp trên?*

2/ *Em hãy nêu trách nhiệm của các thành viên trong gia đình theo 4 mối quan hệ sau: 1/ Vợ- chồng; 2/ Cha mẹ - con; 3/ ông bà - cháu; 4/Anh, chị, em.*

3/ *Bản thân em cần có trách nhiệm gì trong gia đình ? Hãy nêu các trách nhiệm cụ thể theo bảng gợi ý sau:*

| Thành viên trong gia đình | Trách nhiệm của em |
|---------------------------|--------------------|
| Ông bà                    |                    |
| Cha mẹ                    |                    |
| Anh, chị, em              |                    |

2.

- GV mời HS trả lời câu hỏi, các I IS khác góp ý, bổ sung.
- GV nhận xét và chốt kiến thức:

#### **Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 (trích)**

- Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình (khoản 1 Điều 19).
- Cha mẹ có nghĩa vụ “thương yêu con, tôn trọng ý kiến của con; chăm lo việc học tập, giáo dục để con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội” (khoản 1 Điều 69).

Con có bốn phận yêu quý, kính trọng, biết ơn, hiếu thảo, phụng dưỡng cha mẹ,

giữ gìn danh dự, truyền thống tốt đẹp của gia đình (khoản 2 Điều 70).

- Ông bà nội, ông bà ngoại có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu, sống mẫu mực và nêu gương tốt cho con cháu,... (khoản 1 Điều 104).  
Cháu có nghĩa vụ kính trọng, chăm sóc, phụng dưỡng ông bà nội, ông bà ngoại,... (khoản 2 Điều 104).
- Anh, chị, em có quyền, nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau; có quyền, nghĩa vụ nuôi dưỡng nhau trong trường hợp không còn cha mẹ hoặc cha mẹ không có điều kiện trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con (Điều 105)

### 3.LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** HS củng cố tri thức vừa khám phá về nội dung bài học; Rèn luyện kĩ năng xử lí tình huống; Liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân trong việc thực hiện nghĩa vụ của công dân với gia đình.

b) **Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS thảo luận cặp đôi, đọc các thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi.

c) **Sản phẩm:** - HS đưa ra được giải thích đúng sai cho các câu hỏi.

- Đưa ra quan điểm đồng tình hoặc không đồng tình và giải thích với những hành vi trong các ý kiến.

- HS đưa ra giải pháp xử lí tình huống.

d) **Tổ chức thực hiện:**

1. Em hãy chia sẻ suy nghĩ của em về quan điểm: “Gia đình là nơi cuộc sống bắt đầu và tình yêu thương không bao giờ kết thúc”.
2. Em hãy cho biết các quan điểm sau đúng hay sai. vì sao?
  - a. Con cái là của để dành. Bởi vậy, gia đình đông con nhiều cháu mới là gia đình hạnh phúc.
  - b. Trong xã hội hiện đại, phụ nữ không nhất thiết phải quán xuyến công việc gia đình.
  - c. Đàn ông cần phải chia sẻ công việc gia đình cùng phụ nữ.
  - d. Gia đình chỉ hạnh phúc khi các thành viên đều được thoả mãn đầy đủ nhu cầu vật chất.
3. Em đồng tình hay không đồng tình với hành vi nào sau đây? vì sao?
  - a. Vợ chồng anh T, chị Y có hai con gái. Bố mẹ anh T yêu cầu chị Y phải sinh thêm con trai để nối dõi tông đường, nếu không thì phạm tội bất hiếu với tổ tông.
  - b. Trong gia đình, anh c đi làm có thu nhập cao, còn chị Th chỉ ở nhà làm nội trợ. Vì

vậy, anh c quyết định mọi việc, không bàn bạc, trao đổi với vợ.

- c. Được cả nhà chiều chuộng, chăm sóc nên A chỉ quan tâm tới việc học.
- d. Vợ chồng anh T, chị N đều là con một. Bố chị N mất sớm, mẹ chị ở quê xa, hay đau ốm. Anh T bàn với chị N đưa mẹ chị về ở chung để phụng dưỡng.

4. Em sẽ làm gì nếu là các bạn trong những tình huống sau?

- a. Gia đình gặp khó khăn nhưng H vẫn muốn học lên đại học.
- b. Bố Y mất sớm. Mẹ vất vả nuôi chị em Y ăn học. Gần đây, một người đàn ông thường xuyên đến nhà, có cử chỉ quan tâm, thân mật với mẹ Y.

5. Em có lời khuyên gì dành cho các bạn trong những trường hợp sau?

- a. Th cho rằng bố mẹ chỉ quan tâm tới em trai mà quên mất sự có mặt của mình trong gia đình. Bởi vậy, Th rất buồn và ghét em trai.
- b. Mặc dù cô H yêu thương, chăm sóc D như con đẻ nhưng D luôn lạnh lùng, xa cách với cô vì cho rằng cô chỉ là mẹ kế.

Hoàn cảnh gia đình khó khăn nên mặc dù bố mẹ không đồng ý nhưng Đ vẫn muốn nghỉ học để lao động giúp đỡ gia đình T phàn nàn: “Bà nội đạo này bị lẫn, cứ hỏi đi hỏi lại mãi một việc khiến tớ mệt lắm, nhiều lúc phát cáu lên với bà”

## 4. VẬN DỤNG

**a) Mục tiêu:** HS tự giác áp dụng những điều đã học về gia đình và các chức năng của gia đình; những điểm cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình ở nước ta hiện nay, các yếu tố xây dựng gia đình hạnh phúc, trách nhiệm của các thành viên trong mối quan hệ gia đình để phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách chủ động, sáng tạo.

**b) Hoạt động:** GV trình bày vấn đề, HS viết bài luận thể hiện vai trò của người dân trong việc góp phần xây dựng bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam vững mạnh; viết bài chia sẻ tác dụng tích cực của việc cải cách hành chính ở địa

**c) Sản phẩm:** Bài luận, bài viết của HS

**b) Tổ chức thực hiện:**

1. Sưu tầm, chia sẻ những câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ về gia đình.
2. Vẽ sơ đồ tư duy về mối quan hệ giữa tình yêu, hôn nhân và gia đình.
3. Viết bài chia sẻ suy nghĩ của em về gia đình hạnh phúc và những việc mà bản thân em đã làm để góp phần xây dựng gia đình hạnh phúc.
4. Sân khấu hoá kịch bản về chủ đề “Tình yêu, hôn nhân và gia đình” theo chuỗi hoạt

động sau:

*Hoạt động 1:* Xác định nội dung, lựa chọn tác phẩm gắn với chủ đề bài học (có thể tìm kiếm tác phẩm trong Chương trình, sách giáo khoa hoặc tự sáng tác).

*Hoạt động 2:* Tìm kiếm, xử lý thông tin (có thể tìm kiếm thông tin về tác phẩm qua mạng xã hội và các nguồn khác, từ đó phân tích, lọc và tổng hợp thông tin đã tìm kiếm).

*Hoạt động 3:* Xây dựng ý tưởng, sáng tác kịch bản sân khấu chuyển thể từ tác phẩm (có thể chuyển thể sát hoặc không sát nguyên tác nhưng phải đảm bảo nội dung giáo dục); Thống nhất kịch bản chuyển thể; Dự kiến số lượng nhân vật, phân cảnh cho kịch bản; Sáng tác kịch bản cho từng phân cảnh; Hoàn thành kịch bản, chuyển thể, ghép phần chuyển thể từng phân cảnh.

*Hoạt động 4:* Chuẩn bị và tập kịch: Phân vai; Làm đạo cụ sân khấu và trang phục (nên tận dụng đồ dùng có sẵn, phế liệu); Hỗ trợ âm thanh (có thể tải về từ Internet); Lên kế hoạch tập kịch (thời gian, địa điểm); Tập kịch.

*Hoạt động 5:* Diễn kịch: Đại diện nhóm giới thiệu tiểu phẩm: Nêu rõ tên nhóm, tên tiểu phẩm, tên diễn viên; Biểu diễn tiểu phẩm.

*Hoạt động 6:* Đánh giá, nhận xét: cả lớp nhận xét, trao đổi, bình phẩm về phần biểu diễn của từng nhóm; Bình chọn cho các tiết mục theo một số hạng mục gợi ý sau: 1/ Kịch bản hay nhất; 2/ Diễn xuất tốt nhất; 3/ Trang phục đẹp nhất; Cá nhân/nhóm chia sẻ về những điều thú vị, bất ngờ, hài hước, đáng nhớ, những cảm xúc trong quá trình trải nghiệm sáng tác kịch bản và chuẩn bị biểu diễn.

*Hoạt động 7:* Chia sẻ cảm nhận, rút ra bài học: Cá nhân/nhóm chia sẻ cảm nhận về các nhân vật, bài học rút ra qua vở kịch: Kịch bản nói về vấn đề gì? Em có cảm nhận gì khi xem vở kịch? Em rút ra bài học gì qua vở kịch

- GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập ở nhà. Vào tiết học sau sẽ chỉ định hoặc lấy tình thần xung phong một vài bạn trình bày sản phẩm của mình với cả lớp.

- Các HS khác nhận xét, góp ý.

- GV nhận xét và kết luận chung.

## **VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** HS tự giác áp dụng những điều đã học về gia đình và các chức năng của gia đình; những điểm cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình ở nước ta hiện nay, các yếu tố xây dựng gia đình hạnh phúc, trách nhiệm của các thành viên trong mối quan hệ gia đình để phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách chủ động, sáng tạo.

**b) Hoạt động:** GV trình bày vấn đề, HS viết bài luận thể hiện vai trò của người dân trong việc góp phần xây dựng bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam vững mạnh; viết bài chia sẻ tác dụng tích cực của việc cải cách hành chính ở địa

**c) Sản phẩm:** Bài luận, bài viết của HS

## **b) Tổ chức thực hiện:**

1. Sưu tầm, chia sẻ những câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ về gia đình.
2. Vẽ sơ đồ tư duy về mối quan hệ giữa tình yêu, hôn nhân và gia đình.
3. Viết bài chia sẻ suy nghĩ của em về gia đình hạnh phúc và những việc mà bản thân em đã làm để góp phần xây dựng gia đình hạnh phúc.
4. Sân khấu hoá kịch bản về chủ đề “Tình yêu, hôn nhân và gia đình” theo chuỗi hoạt động sau:

*Hoạt động 1:* Xác định nội dung, lựa chọn tác phẩm gắn với chủ đề bài học (có thể tìm kiếm tác phẩm trong Chương trình, sách giáo khoa hoặc tự sáng tác).

*Hoạt động 2:* Tìm kiếm, xử lý thông tin (có thể tìm kiếm thông tin về tác phẩm qua mạng xã hội và các nguồn khác, từ đó phân tích, lọc và tổng hợp thông tin đã tìm kiếm).

*Hoạt động 3:* Xây dựng ý tưởng, sáng tác kịch bản sân khấu chuyển thể từ tác phẩm (có thể chuyển thể sát hoặc không sát nguyên tác nhưng phải đảm bảo nội dung giáo dục); Thống nhất kịch bản chuyển thể; Dự kiến số lượng nhân vật, phân cảnh cho kịch bản; Sáng tác kịch bản cho từng phân cảnh; Hoàn thành kịch bản, chuyển thể, ghép phần chuyển thể từng phân cảnh.

*Hoạt động 4:* Chuẩn bị và tập kịch: Phân vai; Làm đạo cụ sân khấu và trang phục (nên tận dụng đồ dùng có sẵn, phế liệu); Hỗ trợ âm thanh (có thể tải về từ Internet); Lên kế hoạch tập kịch (thời gian, địa điểm); Tập kịch.

*Hoạt động 5:* Diễn kịch: Đại diện nhóm giới thiệu tiểu phẩm: Nêu rõ tên nhóm, tên tiểu phẩm, tên diễn viên; Biểu diễn tiểu phẩm.

*Hoạt động 6:* Đánh giá, nhận xét: cả lớp nhận xét, trao đổi, bình phẩm về phần biểu diễn của từng nhóm; Bình chọn cho các tiết mục theo một số hạng mục gợi ý sau: 1/ Kịch bản hay nhất; 2/ Diễn xuất tốt nhất; 3/ Trang phục đẹp nhất; Cá nhân/nhóm chia sẻ về những điều thú vị, bất ngờ, hài hước, đáng nhớ, những cảm xúc trong quá trình trải nghiệm sáng tác kịch bản và chuẩn bị biểu diễn.

*-Hoạt động 7:* Chia sẻ cảm nhận, rút ra bài học: Cá nhân/nhóm chia sẻ cảm nhận về các nhân vật, bài học rút ra qua vở kịch: Kịch bản nói về vấn đề gì? Em có cảm nhận gì khi xem vở kịch? Em rút ra bài học gì qua vở kịch?

- GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập ở nhà. Vào tiết học sau sẽ chỉ định hoặc lấy tình thần xung phong một vài bạn trình bày sản phẩm của mình với cả lớp.
- Các HS khác nhận xét, góp ý.
- GV nhận xét và kết luận chung.

\*\*\*\*\*

## **CHUYÊN ĐỀ 2: MÔ HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ**

### **BÀI 4: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ MÔ HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ**

#### **I. MỤC TIÊU**

##### **1. Về kiến thức**

- Nêu được khái niệm, thuận lợi, khó khăn của doanh nghiệp nhỏ; các lĩnh vực kinh doanh thích hợp với doanh nghiệp nhỏ.
- Nhận biết được mục tiêu và các nhân tố ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh trong một doanh nghiệp nhỏ cụ thể.
- Yêu thích hoạt động sản xuất kinh doanh; chủ động tìm hiểu kinh nghiệm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ.

##### **2. Năng lực**

###### **- Năng lực chung:**

- + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về doanh nghiệp
- + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện nhiệm vụ học tập về kiến thức về doanh nghiệp nhỏ.
- + Giải quyết vấn đề bằng tình huống trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến các doanh nghiệp nhỏ.

###### **- Năng lực riêng:**

- + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về doanh nghiệp nhỏ.
- + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.
- + Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến mô hình sản xuất kinh doanh nhỏ.
- Năng lực đặc thù:
  - + Năng lực điều chỉnh hành vi: Hiểu được trách nhiệm của công dân trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về hoạt động sản xuất kinh doanh; Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước khi tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh; Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi, việc làm phù hợp với chuẩn mực đạo đức và chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; Phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi, việc làm vi phạm chuẩn mực đạo đức, pháp luật khi tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh trong xã hội.
  - + Năng lực phát triển bản thân: Có ý tưởng trong việc lựa chọn mô hình hoạt động kinh tế trong tương lai đối với bản thân.
  - + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Tìm hiểu, tham gia và vận động người khác tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với lứa tuổi; Bước đầu đưa ra các quyết định hợp lý và tham gia giải quyết được một số vấn đề của cá nhân, gia đình và cộng đồng bằng các hành vi, việc làm phù hợp với chuẩn

mức đạo đức, pháp luật và lứa tuổi trong việc lựa chọn mô hình và tham gia sản xuất kinh doanh.

### 3. Về phẩm chất

- Trung thực và có trách nhiệm công dân khi tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với lứa tuổi.

- Yêu nước, tin tưởng vào sự phát triển kinh tế của đất nước.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK về chủ đề, SGK, SBT Giáo dục kinh tế và pháp luật 10, Giáo án.

- Tranh ảnh, clip và các mẫu chuyện về ngân sách nhà nước.

- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

### A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, khai thác vốn sống, trải nghiệm của bản thân HS về mô hình sản xuất kinh doanh.

**b. Nội dung:** GV cho HS tham gia trò chơi “Ai nhanh, ai đúng”: Hãy kể tên các mô hình sản xuất kinh doanh. Nhóm nào kể đúng, nhiều hơn trong cùng thời gian sẽ thắng cuộc

- HS thực hiện trò chơi

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Theo em, mô hình sản xuất kinh doanh nào thường được những người mới khởi nghiệp lựa chọn? Vì sao?*

HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS về mô hình sản xuất kinh doanh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV cho HS chơi trò chơi Ai nhanh, ai đúng

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

*Theo em, mô hình sản xuất kinh doanh nào thường được những người mới khởi nghiệp lựa chọn? Vì sao?*

- HS tham gia trò chơi và trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

- GV mời đại diện 1-2 HS trả lời câu hỏi trước lớp: *Theo em, mô hình sản xuất kinh doanh nào thường được những người mới khởi nghiệp lựa chọn? Vì sao?*

- GV mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

- GV dẫn dắt HS vào bài học: Doanh nghiệp nhỏ có vị trí rất quan trọng trong nền kinh tế mỗi quốc gia. ở Việt Nam, doanh nghiệp nhỏ là mô hình nhiều doanh nhân đã chọn để khởi nghiệp. Doanh nghiệp nhỏ có ưu thế là tạo ra nhiều việc làm, thu nhập và nâng cao mức sống cho người dân; khai thác và phát huy tốt các nguồn lực tại chỗ về tài chính, lao động, đất đai,... Bài học này giúp chúng ta có những hiểu biết về đặc trưng, những thuận lợi, khó khăn cũng như các lĩnh vực kinh doanh thích hợp; nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của một doanh nghiệp nhỏ để có cơ sở định hướng cho bản thân trong tương lai khi muốn lựa chọn một mô hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ.

### B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

## **Hoạt động 1: Tìm hiểu khái niệm doanh nghiệp nhỏ**

**a. Mục tiêu:** HS nêu được khái niệm doanh nghiệp nhỏ

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề; HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin trong SGK tr 24; HS rút ra được kết luận khái niệm doanh nghiệp nhỏ.

**c. Sản phẩm học tập:** HS nêu và ghi được vào vở khái niệm doanh nghiệp nhỏ.

**d. Cách tiến hành:**

- GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm 4 HS, quan sát đọc thông tin SGK tr24 đưa ra và trả lời câu hỏi:

1/ Doanh nghiệp AH có quy mô lao động và doanh thu thế nào?

2/ AH có phải là doanh nghiệp nhỏ không? Vì sao?

3/ Căn cứ vào những yếu tố nào để xác định một doanh nghiệp nhỏ

- Thời lượng trình bày 2 phút.

- GV hướng dẫn HS đọc phần Ghi nhớ, rút ra kết luận và cho biết:

*Khái niệm về doanh nghiệp nhỏ*

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi hoạt động 1.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.

*Doanh nghiệp nhỏ là những doanh nghiệp có quy mô nhỏ về vốn, lao động và doanh thu. Hiện nay ở nước ta, tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ được quy định tại Điều 6 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 13-3-2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.*

## **Hoạt động 2 : Tìm hiểu thuận lợi, khó khăn của doanh nghiệp nhỏ**

**Nội dung1: Tìm hiểu thuận lợi của doanh nghiệp nhỏ**

**a.Mục tiêu:** HS nêu được Thuận lợi của doanh nghiệp nhỏ

**b,Nội dung:** Học sinh tìm hiểu được thuận lợi của doanh nghiệp nhỏ.

**c. Sản phẩm học tập:** Phiếu học tập, bài thuyết trình

**d.Cách tiến hành.**

GV yêu cầu HS làm việc nhóm (2 HS/nhóm) theo các yêu cầu cụ thể sau:

*Giáo viên yêu cầu học sinh đọc thông đọc tiếp câu chuyện của doanh nghiệp nhỏ AH để trả lời câu hỏi*

- GV yêu cầu HS làm việc, đọc câu chuyện trong SGK, và trả lời câu hỏi:

*Theo em, vì sao doanh nghiệp AH có thể đứng vững trên thị trường?*

*Với mô hình doanh nghiệp nhỏ, AH đang gặp phải những khó khăn gì trong sản xuất kinh doanh?*

- GV mời HS trả lời câu hỏi. Các HS khác góp ý, bổ sung.

- **GV nhận xét và chốt kiến thức:**

+ Doanh nghiệp có số lao động không nhiều, tập trung sản xuất tại cùng một địa điểm nên thuận lợi trong việc quản lí lao động, chủ doanh nghiệp và cán bộ quản lí có điều kiện sâu sát, gần gũi với người lao động, giải quyết kịp thời mọi khó khăn, vướng mắc trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

+ Anh H còn cho biết, quy mô nhỏ nên doanh nghiệp cũng thuận lợi trong

việc đổi mới công nghệ. Nếu quy mô sản xuất lớn, muốn bổ sung, thay thế thiết bị để đổi mới công nghệ, phải đầu tư đồng bộ cùng một lúc nhiều phương tiện, máy móc, thiết bị sẽ khó thực hiện được quản lý của mình còn nhiều hạn chế, thiếu chuyên nghiệp, chủ yếu làm bằng kinh nghiệm, chưa được đào tạo bài bản, khả năng tiếp cận thông tin thị trường trong nước và thế giới chưa cao,...

Thời gian báo cáo 4 phút

- GV tổ chức cho HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ trước lớp.
- GV tổ chức cho HS thảo luận, nhận xét, đánh giá sản phẩm theo các câu hỏi gợi

ý:

- GV tổng kết kết quả thực hiện nhiệm vụ và chốt kiến thức

*Một số thuận lợi của doanh nghiệp nhỏ*

- Linh hoạt trong tổ chức hoạt động kinh doanh, dễ thay đổi mẫu mã sản phẩm để đáp ứng nhu cầu của thị trường.
- Có điều kiện để tổ chức, quản lý lao động chặt chẽ, hiệu quả
- Dễ dàng bổ sung thiết bị để đổi mới công nghệ

## **Nội dung 2: Tìm hiểu khó khăn của doanh nghiệp nhỏ**

**a. Mục tiêu:** HS nêu được những khó khăn của doanh nghiệp nhỏ.

**b. Nội dung:** Học sinh tìm hiểu được khó khăn của doanh nghiệp nhỏ.

**c. Sản phẩm:** Phiếu học tập, bài thuyết trình của nhóm.

**d. Cách tiến hành:** GV yêu cầu hs làm việc cá nhân

Hoàn thiện câu hỏi GV giao.

Câu hỏi : Với mô hình doanh nghiệp nhỏ, AH đang gặp phải những khó khăn gì trong sản xuất kinh doanh

GV gọi HS trả lời câu hỏi. Các HS khác góp ý, bổ sung.

+ Thời lượng thuyết trình : 02 phút.

- GV gọi 1-2 HS đại diện lớp báo cáo kết quả làm việc nhóm, giới thiệu sản phẩm trước lớp

- GV tổ chức cho HS thảo luận, nhận xét, đánh giá sản phẩm theo các câu hỏi

gợi ý: Có những hình thức kinh doanh nào phù hợp với kinh doanh nhỏ ?

- GV tổng kết kết quả thực hiện nhiệm vụ

*Một số khó khăn của doanh nghiệp nhỏ:*

- Vốn ít nên khó đầu tư đồng bộ, khó mở rộng quy mô.
- Thiếu thông tin về thị trường.
- Trình độ lao động thấp.
- Trình độ quản lý thiếu chuyên nghiệp.
- Khả năng cạnh tranh còn hạn chế trong khi phải đương đầu với các doanh nghiệp cùng ngành, nhất là với những doanh nghiệp lớn hơn ở trong nước và trên thế giới.

## **Hoạt động 3: Tìm hiểu các lĩnh vực sản xuất kinh doanh thích hợp với doanh nghiệp nhỏ**

**a. Mục tiêu:** HS nêu được các lĩnh vực sản xuất kinh doanh thích hợp với doanh nghiệp nhỏ.

**b. Nội dung:** HS nêu được các lĩnh vực sản xuất kinh doanh thích hợp với doanh nghiệp nhỏ.

**c. Sản phẩm học tập:** Phiếu học tập, bài thuyết trình

**d. Cách tiến hành.**

GV yêu cầu HS làm việc nhóm (4 HS/nhóm) theo các yêu cầu cụ thể sau:

Nhóm 1 :

Câu 1: *Từ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp V, em hãy tìm ra những điểm thích hợp của mô hình này đối với hoạt động sản xuất kinh doanh trong nông nghiệp.*

Câu 2: *Em hãy kể thêm một số mô hình sản xuất kinh doanh khác trong lĩnh vực nông nghiệp thích hợp với doanh nghiệp nhỏ.*

Nhóm 2:

Câu 3: *Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên AM có phải là doanh nghiệp nhỏ không? Vì sao?*

Câu 4: *Em hãy giải thích vì sao hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty AM phù hợp với doanh nghiệp nhỏ.*

Câu 5 : *Hãy kể tên một số lĩnh vực sản xuất kinh doanh tiểu thủ công nghiệp phù hợp với doanh nghiệp nhỏ.*

Nhóm 3:

Câu 6. *Em hãy giải thích vì sao mô hình sản xuất công nghiệp may của doanh nghiệp MK thích hợp với doanh nghiệp nhỏ.*

Câu 7. *Em hãy kể tên một số lĩnh vực sản xuất công nghiệp khác thích hợp với doanh nghiệp nhỏ.*

Nhóm 4:

Câu 8. *Hình thức kinh doanh trực tuyến mà chị A đang thực hiện có phù hợp với doanh nghiệp nhỏ không? Vì sao?*

Câu 9. *Em hãy kể một số mô hình bán hàng trực tuyến khác thích hợp với doanh nghiệp nhỏ*

GV gọi HS trả lời câu hỏi. Các HS khác góp ý, bổ sung.

+ Thời lượng thuyết trình : 05 phút.

- GV gọi 1-2 HS đại diện lớp báo cáo kết quả làm việc nhóm, giới thiệu sản phẩm trước lớp

- GV tổ chức cho HS thảo luận, nhận xét, đánh giá sản phẩm theo các câu hỏi gợi ý: Có những hình thức kinh doanh nào phù hợp với kinh doanh nhỏ ?

- GV tổng kết kết quả thực hiện nhiệm vụ

**\* Sản xuất kinh doanh trong nông nghiệp**

*Trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, có nhiều mô hình sản xuất kinh doanh phù hợp với doanh nghiệp nhỏ như: trồng cây lương thực, rau, hoa, cây ăn quả, cây cảnh,...; chăn nuôi gà, lợn, bò,... vì những mô hình này không cần vốn lớn, khai thác được nguồn nhân công với chi phí thấp ở địa phương. Bên cạnh những mô hình sản xuất nông nghiệp truyền thống, hiện nay đã xuất hiện nhiều mô hình*

sản xuất nông nghiệp hữu cơ, công nghệ cao, thích hợp với doanh nghiệp nhỏ như mô hình trồng rau thủy canh, trồng chè, trồng lúa, hoa, rau theo tiêu chuẩn VietGAP; nuôi bò, lợn, gà, tôm, cua, cá sạch,... mang lại giá trị cao cho các sản phẩm nông nghiệp.

**\* Lĩnh vực sản xuất kinh doanh tiểu thủ công nghiệp**

Lĩnh vực sản xuất tiểu thủ công nghiệp gắn liền với nghề thủ công nghiệp cung cấp cho thị trường những sản phẩm nguyên bản, thủ công như các mặt hàng thủ công, đồ trang trí nội thất,...

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh tiểu thủ công nghiệp có nhiều mô hình thích hợp với doanh nghiệp nhỏ vì có thể triển khai ở quy mô nhỏ, lao động thủ công là chính,... như các nghề sản xuất thủ công mỹ nghệ, mộc, đúc đồng, thêu ren, dệt lụa.

**\* Lĩnh vực sản xuất công nghiệp**

Doanh nghiệp nhỏ có thể tham gia vào lĩnh vực sản xuất công nghiệp với các mặt hàng phù hợp như: dệt may, giày dép, đồ nội thất hay các ngành công nghiệp phụ trợ, chế biến nông, lâm, thủy, hải sản,...

**\* Lĩnh vực thương mại**

Mô hình kinh doanh trực tuyến là hình thức kinh doanh trên môi trường Internet với việc doanh nghiệp quảng bá sản phẩm dịch vụ của mình. Mô hình này ngày càng được áp dụng phổ biến vì tiết kiệm được nhiều chi phí thuê mặt bằng, thuê nhân viên, tiếp cận được nguồn khách hàng lớn, đa dạng, không bị giới hạn bởi không gian và thời gian, phù hợp với mô hình doanh nghiệp nhỏ.

**\* Lĩnh vực dịch vụ**

Nhiều mô hình sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ phù hợp với doanh nghiệp nhỏ như: kinh doanh khách sạn, các dịch vụ về ăn uống, cưới hỏi, du lịch, sửa chữa trang thiết bị, hỗ trợ máy móc, tư vấn, chăm sóc sức khỏe, bất động

**Hoạt động 4. Tìm hiểu mục tiêu và các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ.**

**Nội dung 1: Tìm hiểu: Mục tiêu của doanh nghiệp nhỏ**

**a. Mục tiêu:** HS hiểu được mục tiêu của doanh nghiệp nhỏ

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề; HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin trong SGK tr 30; HS hiểu được mục tiêu của doanh nghiệp nhỏ.

**c. Sản phẩm học tập:** Hoàn thành phiếu học tập ; HS nêu và ghi được vào vở mục tiêu của doanh nghiệp nhỏ

**d. Cách tiến hành:**

- GV yêu cầu HS làm việc nhóm (4 ->6 HS/nhóm), đọc thông tin SGK tr30 hoàn thiện câu hỏi

1/ Mục tiêu sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp AH là gì? Mục tiêu đó đã khẳng định vị thế của doanh nghiệp trong đời sống xã hội ở địa phương như thế nào?

2/ Theo em, mục tiêu sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ có điểm gì đặc biệt so với mục tiêu của doanh nghiệp lớn

*Học sinh thực hiện nhiệm vụ ra giấy hoặc trình bày trên máy tính ; Gv quan sát và giúp đỡ khi HS cần*

Thời lượng video / thuyết trình: 03 phút.

- GV tổ chức cho HS báo cáo kết quả làm việc nhóm, giới thiệu sản phẩm trước lớp (có thể lựa chọn 01- 02 nhóm trình bày).

- GV tổ chức cho HS thảo luận, nhận xét, đánh giá sản phẩm theo các câu hỏi gợi ý: Mục tiêu của sản xuất kinh doanh? Điểm khác giữa mục tiêu của doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp lớn.

- GV tổng kết kết quả thực hiện nhiệm vụ và chốt kiến thức:

*Mục tiêu sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ không chỉ là tối đa hoá lợi nhuận, đứng vững trong cuộc cạnh tranh khốc liệt trên thương trường mà còn tham gia tích cực vào chuỗi giá trị, liên kết với các hộ gia đình, với các doanh nghiệp khác để khẳng định vị thế của doanh nghiệp nhỏ đối với sự phát triển kinh tế của địa phương và đất nước.*

Nội dung 2 : Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ

**a. Mục tiêu:** HS nêu được Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề; HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin trong SGK tr 30; HS nêu được các nhân tố ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh nhỏ.

**c. Sản phẩm học tập:** Hoàn thành phiếu học tập ; HS nêu và ghi được vào vở các nhân tố ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh nhỏ

**d. Cách tiến hành:**

- GV yêu cầu HS làm việc nhóm (4 ->6 HS/nhóm), đọc thông tin SGK tr30 hoàn thiện câu hỏi

*Nhóm 1:*

- Em hãy phân tích vì sao anh H cho rằng con người là nhân tố có ảnh hưởng quan trọng nhất đến hoạt động của doanh nghiệp AH.

- Nhân tố đầu tư trang thiết bị công nghệ có ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của doanh nghiệp AH thế nào?

*Nhóm 2:*

- Nhân tố thiết kế mẫu sản phẩm, xây dựng mạng lưới tiêu thụ sản phẩm có ảnh hưởng thế nào đến kết quả hoạt động của doanh nghiệp AH?

- Khả năng tài chính của doanh nghiệp có ảnh hưởng thế nào đến kết quả hoạt động của doanh nghiệp AH?

- Theo em, còn có nhân tố bên trong nào khác ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp AH?

*Nhóm 3: Môi trường chính trị, kinh tế vĩ mô, sự hỗ trợ của địa phương đã ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp AH như thế nào?*

*Nhóm 4: Tốc độ phát triển khoa học công nghệ đã ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp AH như thế nào?*

- Yếu tố cạnh tranh trên thị trường ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp AH

*như thế nào*

*Học sinh thực hiện nhiệm vụ ra giấy hoặc trình bày trên máy tính ; Gv quan sát và giúp đỡ khi HS cần*

*Thời lượng video / thuyết trình: 03 phút.*

*- GV tổ chức cho HS báo cáo kết quả làm việc nhóm, giới thiệu sản phẩm trước lớp (có thể lựa chọn 01- 02 nhóm trình bày).*

*- GV tổ chức cho HS thảo luận, nhận xét, đánh giá sản phẩm theo các câu hỏi gợi ý: các nhân tố ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh.*

*- GV tổng kết kết quả thực hiện nhiệm vụ và chốt kiến thức:*

*\* Các nhân tố bên trong doanh nghiệp*

*Các nhân tố bên trong ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ:*

- Con người là nhân tố quyết định mọi hoạt động của doanh nghiệp*
- Khả năng tài chính của doanh nghiệp*
- Trình độ kỹ thuật, công nghệ sản xuất*
- Thiết kế được các sản phẩm đặc sắc, hấp dẫn thu hút sự quan tâm của khách hàng và tổ chức được mạng lưới tiêu thụ sản phẩm.*

*Ngoài ra còn có thể kể đến các nhân tố như: hệ thống thông tin bên trong của doanh nghiệp, cơ chế kiểm soát doanh nghiệp,...*

*\* Các nhân tố bên ngoài doanh nghiệp*

- Môi trường chính trị, kinh tế, xã hội và sự hỗ trợ của Chính phủ, chính quyền địa phương*
- Những thay đổi của kỹ thuật công nghệ*
- Yếu tố thị trường của doanh nghiệp như: khách hàng, đối thủ cạnh tranh trên thị trường,...*

### **Hoạt động 3. Luyện tập**

Mục tiêu: Giúp HS củng cố được những kiến thức đã học và rèn luyện kỹ năng tìm hiểu, học hỏi khi tham gia các hoạt động doanh nghiệp nhỏ

Nội dung: Làm bài tập trắc nghiệm và bài tập tình huống

Sản phẩm: Câu trả lời, cách xử lý tình huống của học sinh.

Cách thực hiện:

Về bài tập trắc nghiệm:

- GV thiết kế các câu hỏi TNKQ trên trang Kahoot.it*
- GV hướng dẫn HS cách trả lời: HS sử dụng điện thoại thông minh truy cập trang Kahoot.it đọc câu hỏi và chọn phương án mình cho là đúng trong thời gian nhanh nhất.*

*- HS thực hiện làm bài tập trắc nghiệm.*

*- GV công bố kết quả HS trả lời đúng và nhanh nhất.*

### **Hoạt động 4. Vận dụng**

Mục tiêu: Giúp HS vận dụng được những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề trong đời sống khi tham gia các hoạt động về thuế

Nội dung: Thực hiện dự án: Tìm hiểu hoạt động về thương mại điện tử

Sản phẩm: Bài thuyết trình.

Các yêu cầu cụ thể:

+ Nội dung: Giới thiệu các hoạt động về thuế của địa phương và chỉ rõ vai trò của các hoạt động thuế đó đối với sự phát triển của địa phương.

+ Hình thức: Đa dạng về kênh hình, kênh chữ, âm thanh, đảm bảo tính thẩm mỹ. Bài thuyết trình xúc tích, thuyết phục.

- HS có thể báo cáo sản phẩm trực tuyến trên microsoft team, zoom hoặc gửi bài.

\*\*\*\*\*

## **BÀI 5: TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ**

### **I. MỤC TIÊU**

#### **a. Về kiến thức**

- Nhận biết được quy trình tổ chức, hoạt động của doanh nghiệp nhỏ.

- Phân tích được những bài học thành công và thất bại trong tổ chức, hoạt động của doanh nghiệp nhỏ.

#### **b. Về phẩm chất**

-Trung thực và có trách nhiệm công dân khi tham gia tổ chức hoạt động doanh nghiệp nhỏ phù hợp với lứa tuổi.

-Tự giác, tích cực, đoàn kết trong hoạt động tập thể, luôn cố gắng vươn lên để đạt kết quả tốt trong học tập.

-Có trách nhiệm với bản thân, gia đình, đất nước trong việc lựa chọn được mô hình sản xuất kinh doanh phù hợp.

-Yêu thích hoạt động sản xuất kinh doanh; chủ động tìm hiểu kinh nghiệm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ.

#### **c. Về năng lực**

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về quy trình tổ chức, hoạt động của doanh nghiệp nhỏ.

+ Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến tổ chức, hoạt động của doanh nghiệp nhỏ.

- Năng lực đặc thù:

+ Năng lực điều chỉnh hành vi: Hiểu được trách nhiệm của công dân trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tổ chức hoạt động của doanh nghiệp nhỏ

+ Năng lực phát triển bản thân: Bước đầu biết lựa chọn mô hình hoạt động kinh tế thích hợp trong tương lai đối với bản thân và quy trình tổ chức, hoạt động cho một doanh nghiệp nhỏ.

+ Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Tìm hiểu, tham gia và vận động người khác tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với lứa tuổi;

## **II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

### **1. Đối với giáo viên**

- SGK, SGV, SBT Giáo dục kinh tế và pháp luật 10.
- Các mẫu chuyện về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ

### **2. Đối với học sinh.** SGK ; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học .

## **III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

### **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Khai thác vốn sống, trải nghiệm của bản thân HS về chủ đề tổ chức, hoạt động của các doanh nghiệp nhỏ tạo hứng thú và những hiểu biết ban đầu của HS về chủ đề bài học mới.

**b. Nội dung:** Giáo viên cho học sinh xem tư liệu về hoạt động của một số doanh nghiệp nhỏ trên địa bàn.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS về tổ chức hoạt động của doanh nghiệp nhỏ.

**d. Tổ chức thực hiện:**

#### **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV cho HS xem hình ảnh, tư liệu về hoạt động của một số doanh nghiệp nhỏ.
- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

*Giả định một người muốn tổ chức kinh doanh một hàng hoá/dịch vụ nào đó.*

*Theo em, người đó cần phải thực hiện các bước chuẩn bị như thế nào?*

#### **Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS xem tư liệu và trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

#### **Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV mời đại diện 1-2 HS trả lời câu hỏi trước lớp: *Giả định một người muốn tổ chức kinh doanh một hàng hoá/dịch vụ nào đó. Theo em, người đó cần phải thực hiện các bước chuẩn bị như thế nào?*

- GV mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung.

#### **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá.
- GV dẫn dắt HS vào bài học:

### **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

#### **Hoạt động 1: Quy trình thành lập một doanh nghiệp.**

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS nhận biết được quy trình thành lập của doanh nghiệp nhỏ.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề; HS làm việc theo nhóm, đọc các thông tin SGK tr.33,34,35 đã đưa ra và trả lời câu hỏi; HS rút ra được kết luận quy trình thành lập doanh nghiệp.

**c. Sản phẩm học tập:** HS nêu và ghi được vào vở quy trình thành lập một doanh nghiệp.

**d. Tổ chức hoạt động:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV dẫn dắt:

- GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm, đọc các thông tin trong SGK tr.33,34,35 đã đưa ra và trả lời câu hỏi:

*Nhóm 1: Tìm hiểu thông tin giai đoạn 1 và trả lời câu hỏi*

*1/ Em hãy cho biết anh H đã chuẩn bị các thông tin cần thiết để thành lập doanh nghiệp như thế nào.*

*2/ Hãy tóm tắt nội dung bước chuẩn bị thông tin để thành lập doanh nghiệp.*

*Nhóm 2: Tìm hiểu thông tin giai đoạn 2 và trả lời câu hỏi*

*1/ Em hãy cho biết anh H đã soạn thảo và nộp hồ sơ thành lập doanh nghiệp như thế nào.*

*2/ Hãy tóm tắt nội dung bước soạn thảo và nộp hồ sơ thành lập doanh nghiệp.*

*Nhóm 3: Tìm hiểu thông tin giai đoạn 3 và trả lời câu hỏi*

*Anh H đã tiến hành các bước nào để làm con dấu pháp nhân của doanh nghiệp?*

*Nhóm 4: Tìm hiểu thông tin giai đoạn 4 và trả lời câu hỏi*

*Anh H đã làm những thủ tục gì sau khi có giấy phép thành lập công ty?*

- GV hướng dẫn HS đọc phần Ghi nhớ, rút ra kết luận và cho biết:

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS làm việc theo nhóm, đọc các thông tin SGK tr.33,34,35 đưa ra và trả lời câu hỏi; đọc phần Ghi nhớ hoạt động để rút ra kết luận.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.

- GV mời đại diện HS trình bày nội dung thảo luận.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

**GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.**

**Quy trình thành lập doanh nghiệp thông thường có 4 giai đoạn:**

**Giai đoạn 1: Chuẩn bị đầy đủ các thông tin cần thiết để lập hồ sơ thành lập doanh nghiệp**

- Lựa chọn loại hình doanh nghiệp để bắt đầu khởi nghiệp.

- Chuẩn bị bản sao chứng minh nhân dân/căn cước công dân hoặc hộ chiếu của tất cả thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập.

- Lựa chọn tên công ty.

- Xác định địa chỉ trụ sở thuộc quyền sử dụng hợp pháp của công ty là địa điểm liên lạc của doanh nghiệp trên lãnh thổ Việt Nam.
- Xác định vốn điều lệ đề đăng ký kinh doanh.
- Xác định chức danh người đại diện theo pháp luật của công ty.
- Xác định ngành nghề kinh doanh được chuẩn hoá theo quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh.

### ***Giai đoạn 2: Soạn thảo và nộp hồ sơ thành lập***

- Soạn thảo hồ sơ công ty, chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ quy định tại Nghị định về đăng ký doanh nghiệp.
- Nộp hồ sơ đến phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh/thành phố nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

### ***Giai đoạn 3: Làm con dấu pháp nhân***

- Mang bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đến cơ sở có chức năng khắc dấu để thực hiện việc làm con dấu pháp nhân cho công ty.
- Đại diện doanh nghiệp mang giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bản gốc để nhận con dấu pháp nhân.

### ***Giai đoạn 4: Thủ tục sau khi thành lập công ty***

Sau khi có giấy phép đăng ký thì doanh nghiệp cần thực hiện các công việc sau:

- Đăng bố cáo thành lập.
- Treo bảng hiệu công ty tại địa chỉ trụ sở đã đăng ký.
- Tiến hành đăng ký khai thuế ban đầu với cơ quan thuế quản lý trong thời hạn quy định.
- Tiến hành khai thuế qua mạng điện tử thông qua dịch vụ chữ ký số.
- Nộp tờ khai lệ phí môn bài và nộp lệ phí môn bài.
- Nộp thông báo áp dụng phương pháp tính thuế giá trị gia tăng (theo mẫu do Bộ Tài chính ban hành).
- Làm thủ tục mua, đặt in, tự in hoá đơn theo thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính.
- Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện kinh doanh với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

## **Hoạt động 2: Quy trình tổ chức hoạt động của doanh nghiệp nhỏ**

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS nhận biết được được quy trình tổ chức hoạt động của doanh nghiệp nhỏ.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề; HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin SGK đưa ra tr.36,37 đưa ra để trả lời câu hỏi; HS rút ra được kết luận quy trình tổ chức hoạt động của doanh nghiệp nhỏ.

**c. Sản phẩm học tập:** HS nêu và ghi được vào vở quy trình tổ chức hoạt động của doanh nghiệp nhỏ.

**d. Tổ chức hoạt động:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV chia HS thành 6 nhóm (2 nhóm thảo luận 1 trường hợp).

- GV yêu cầu các nhóm thảo luận, đọc thông tin SGK tr.36,37 đưa ra và trả lời câu hỏi:

+ *Doanh nghiệp AH đã chuẩn bị những gì để triển khai hoạt động sản xuất?*

+ *Em hãy nêu những bước cơ bản giúp doanh nghiệp AH hoạt động sản xuất hiệu quả?*

+ *Doanh nghiệp AH đã làm gì để tiêu thụ sản phẩm?*

- GV hướng dẫn HS đọc phần Ghi nhớ, rút ra kết luận và cho biết:

+ *Quy trình tổ chức hoạt động của doanh nghiệp nhỏ?*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin SGK đưa ra tr.36,37 đưa ra để trả lời câu hỏi:

+ Nhóm 1,2: *Doanh nghiệp AH đã chuẩn bị những gì để triển khai hoạt động sản xuất?*

+ Nhóm 3,4: *Em hãy nêu những bước cơ bản giúp doanh nghiệp AH hoạt động sản xuất hiệu quả?*

+ Nhóm 5,6: *Doanh nghiệp AH đã làm gì để tiêu thụ sản phẩm?*

- HS đọc phần Ghi nhớ trong hoạt động để rút ra kết luận.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.

- GV mời đại diện HS trình bày kết quả hoạt động nhóm.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.

Quy trình tổ chức hoạt động của doanh nghiệp nhỏ:

Giai đoạn 1: Chuẩn bị các yếu tố đầu vào để sản xuất

Để triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp phải chuẩn bị đầy đủ các yếu tố đầu vào của sản xuất bao gồm: Nguồn nhân lực, vốn, trang thiết bị kỹ thuật, nguyên vật liệu, thông tin...

Giai đoạn 2: Tiến hành sản xuất

Để sản xuất đạt năng suất và hiệu quả, doanh nghiệp cần thực hiện tốt các bước cơ

bản sau: xác định cơ cấu sản xuất, bố trí nhân lực phù hợp, quản lý kỹ thuật bao gồm kỹ thuật thiết kế sản phẩm, kỹ thuật sản xuất ra sản phẩm và bảo đảm hệ thống máy móc thiết bị sản xuất, quản lý chất lượng sản phẩm...

Giai đoạn 3: Giải quyết đầu ra cho sản xuất

Để giải quyết đầu ra cho sản xuất, tiêu thụ được nhiều sản phẩm, doanh nghiệp phải có chiến lược quảng bá, giới thiệu sản phẩm, tìm hiểu nhu cầu khách hàng và có phương thức phân phối tiện lợi để thỏa mãn nhu cầu khách hàng.

### **Hoạt động 3: Tìm hiểu về bài học thành công và thất bại trong doanh nghiệp nhỏ.**

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS phân tích được những bài học thành công và thất bại trong tổ chức, hoạt động của doanh nghiệp nhỏ.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề; HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin SGK tr.38,39 đưa ra để trả lời câu hỏi; HS rút ra được kết luận về bài học thành công và thất bại trong doanh nghiệp nhỏ.

**c. Sản phẩm học tập:** HS nêu và ghi được vào vở về bài học thành công và thất bại trong doanh nghiệp nhỏ.

**d. Tổ chức hoạt động:**

#### **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV chia lớp thành 4 nhóm (2 nhóm thảo luận 1 nội dung).

- GV yêu cầu các nhóm thảo luận, đọc các thông tin 1, 2 SGK tr.38,39 và thực hiện nhiệm vụ:

+ Từ những chia sẻ của anh H, em rút ra được những bài học gì để dẫn đến thành công của doanh nghiệp nhỏ AH?

+ Em hãy tìm hiểu và nêu những bài học thành công khác của doanh nghiệp nhỏ?

+ Em hãy rút ra những bài học thất bại của doanh nghiệp nhỏ từ sự chia sẻ của anh H?

+ Theo em, còn bài học thất bại nào khác đối với doanh nghiệp nhỏ?

+ Trong các bài học thất bại đó, em tâm đắc với bài học thất bại nào nhất? Vì sao?

- GV hướng dẫn HS đọc phần Ghi nhớ, rút ra kết luận và cho biết:

+ bài học thành công và thất bại trong doanh nghiệp nhỏ?

#### **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin SGK tr.38,39 đưa ra để trả lời câu hỏi:

+ Nhóm 1,2:

Từ những chia sẻ của anh H, em rút ra được những bài học gì để dẫn đến thành công của doanh nghiệp nhỏ AH?

Em hãy tìm hiểu và nêu những bài học thành công khác của doanh nghiệp nhỏ?

+ Nhóm 3,4:

Em hãy rút ra những bài học thất bại của doanh nghiệp nhỏ từ sự chia sẻ của anh H?

Theo em, còn bài học thất bại nào khác đối với doanh nghiệp nhỏ?

*Trong các bài học thất bại đó, em tâm đắc với bài học thất bại nào nhất? Vì sao?*

- HS đọc phần Ghi nhớ trong hoạt động để rút ra kết luận.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

### **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời đại diện HS trình bày kết quả
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

### **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.

\* Tiêu chí để đánh giá về sự thành công của một doanh nghiệp nhỏ gồm: tiêu chí hiệu quả kinh doanh thể hiện ở việc tăng doanh thu, thị phần, lợi nhuận, thu nhập, tạo việc làm, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, đóng góp ngân sách; tiêu chí về quy mô: quy mô vốn, số lượng lao động, sản lượng,... ngày càng tăng; tiêu chí văn hoá thể hiện ở tầm nhìn, giá trị mang lại cho cộng đồng, xã hội, tạo ra môi trường làm việc nhân văn, khuyến khích sự sáng tạo, thân thiện với môi trường,...

Bài học thành công của doanh nghiệp nhỏ AH là sự quan tâm đến việc tạo dựng thương hiệu sản phẩm và doanh nghiệp để chiếm lĩnh thị trường, chiến thắng đối thủ cạnh tranh; đồng thời là bài học tích cực tham gia vào chuỗi giá trị, liên kết với các hộ gia đình, cộng đồng các doanh nghiệp dệt trong xã,... nâng cao giá trị của doanh nghiệp trong xã hội đồng thời khẳng định vị thế, chỗ đứng và sự đóng góp của doanh nghiệp đối với cộng đồng, xã hội.

## **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS củng cố tri thức vừa khám phá về tổ chức, hoạt động của doanh nghiệp nhỏ.

**b. Nội dung:**

- GV cho HS trả lời nhanh một số câu hỏi về tổ chức, hoạt động của các doanh nghiệp nhỏ SGK trang 39.
- GV yêu cầu HS nhận xét hành vi của các nhân vật trong mỗi tình huống SGK trang 40; HS vận dụng kiến thức đã học và thực hiện nhiệm vụ.
- GV yêu cầu học sinh liệt kê được các hồ sơ, giấy tờ cần thiết để tiến hành thủ tục xin phép thành lập công ty và những việc cần làm sau khi thành lập công ty.
- Gv yêu cầu học sinh cùng thực hiện nhiệm vụ phân tích thành công, thất bại của doanh nghiệp. Sau đó xây dựng thành vở kịch ngắn chia sẻ bài học và biểu diễn trước lớp.

**c. Sản phẩm học tập:**

- HS chọn được đáp án đúng cho các câu hỏi bài tập.

- HS nhận xét hành vi của các nhân vật trong các trường hợp.
- HS liệt kê được các hồ sơ, giấy tờ cần thiết để tiến hành thủ tục xin phép thành lập công ty và những việc cần làm sau khi thành lập công ty.
- Học sinh xây dựng thành vở kịch ngắn chia sẻ bài học về thành công, thất bại của doanh nghiệp và biểu diễn trước lớp.

**d. Tổ chức hoạt động:**

**Nhiệm vụ 1: Trả lời câu hỏi 1 phần Luyện tập SGK tr.39**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS**

*Em hãy cho biết những ý kiến sau đúng hay sai. vì sao?*

- a. Hồ sơ thành lập công ty không cần có điều lệ công ty.
- b. Chỉ có người đại diện pháp luật của công ty mới được nộp hồ sơ thành lập doanh nghiệp.
- c. Cơ cấu sản xuất của doanh nghiệp cần quan tâm đến bộ phận sản xuất phụ.

d. Đề quản lí chất lượng sản phẩm, doanh nghiệp phải quan tâm đến chất lượng ở từng công đoạn.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS vận dụng kiến thức đã học, và trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện 1-2 HS trình bày đáp án:
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.

**Nhiệm vụ 2: Trả lời câu hỏi 2, 3 phần Luyện tập SGK tr.40**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS**

GV chia HS thành 4 nhóm):

\* Nhóm 1: Em hãy nhận xét hành vi của các nhân vật trong mỗi tình huống sau:

- a. Anh D chọn đăng kí mô hình công ty cổ phần cho doanh nghiệp nhỏ của mình để huy động được nhiều vốn
- b. Chị Y chọn đăng kí mô hình doanh nghiệp tư nhân cho doanh nghiệp nhỏ của mình để kinh doanh độc lập.
- c. Sau khi thành lập doanh nghiệp, anh T không thực hiện việc khai thuế qua mạng điện tử vì cho rằng không cần thiết.
- d. Chuẩn bị thành lập doanh nghiệp nhỏ để kinh doanh, cô X rủ thêm ba người bạn khác cùng mình thành lập công ty hợp danh vì nghĩ rằng đông người cùng kinh doanh như vậy sẽ đỡ vất vả hơn.

+ Nhóm 2: *Xử lí các tình huống (Bài tập 3 SGK tr.40).*

- a. Hãy liệt kê các hồ sơ, giấy tờ cần thiết để tiến hành thủ tục xin phép thành lập công ty.
- b. Hãy liệt kê những việc cần làm sau khi thành lập công ty.

+ Nhóm 3,4: - Gv yêu cầu học sinh cùng thực hiện nhiệm vụ phân tích thành công, thất bại của doanh nghiệp. Sau đó xây dựng thành vở kịch ngắn chia sẻ bài học và biểu diễn trước lớp.

- GV hướng dẫn HS: *HS sắm vai thể hiện nội dung vở kịch ngắn và chia sẻ bài học thành công, thất bại của doanh nghiệp, thể hiện kịch bản của nhóm mình.*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS vận dụng kiến thức đã học, hiểu biết thực tế và thực hiện nhiệm vụ.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện các nhóm trình bày trước lớp:
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** HS tự giác áp dụng những điều đã học về tổ chức, hoạt động của doanh nghiệp nhỏ vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới nhằm tăng cường ý thức và kỹ năng thường xuyên vận dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách chủ động, sáng tạo. Lập được quy trình tổ chức, hoạt động của doanh nghiệp nhỏ.

**b. Nội dung:** GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 1, 2 phần Vận dụng SGK tr.40; HS vận dụng kiến thức đã học, sưu tầm thông tin, tư liệu, hình ảnh để thực hiện nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm học tập:**

- Bài thu hoạch về 1 bài học thành công của doanh nghiệp mà bản thân học sinh tham gia tìm hiểu.

- Xây dựng được một quy trình tổ chức của một doanh nghiệp nhỏ phù hợp với bản thân trong tương lai.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS**

- GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ: *Bài tập 1, 2 phần Vận dụng SGK tr.40.*

- GV hướng dẫn HS:

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS vận dụng kiến thức đã học, sưu tầm thông tin, tư liệu, hình ảnh để thực hiện nhiệm vụ.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

HS báo cáo kết quả vào tiết học sau.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, chuẩn kiến thức, kết thúc tiết học.

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ôn tập lại nội dung kiến thức đã được học.

- Đọc và tìm hiểu trước nội dung kiến thức *Bài 6.*

\*\*\*\*\*

## **CHUYÊN ĐỀ 3: MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ PHÁP LUẬT HÌNH SỰ**

### **BÀI 6: KHÁI QUÁT VỀ PHÁP LUẬT HÌNH SỰ**

#### **I. MỤC TIÊU**

Sau bài học này, HS sẽ:

##### **a. Về kiến thức**

Nêu được khái niệm, các nguyên tắc của pháp luật hình sự Việt Nam.

##### **b. Về phẩm chất**

- Trung thực và có trách nhiệm công dân khi thực hiện pháp luật hình sự.

- Nhân ái, yêu nước, tin tưởng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Bộ luật Hình sự Việt Nam

##### **c. Về năng lực**

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về khái niệm, các nguyên tắc của pháp luật hình sự Việt Nam.

+ Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến pháp luật hình sự Việt Nam.

- Năng lực đặc thù:

+ Năng lực điều chỉnh hành vi: Hiểu được trách nhiệm của công dân trong việc góp phần xây dựng pháp luật hình sự Việt Nam

## **II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

### **1. Đối với giáo viên**

- SGK, SGV, SBT Giáo dục kinh tế và pháp luật 10.
- Tranh ảnh, clip và các mẫu chuyện về pháp luật hình sự.
- Đồ dùng đơn giản để sắm vai.

**2. Đối với học sinh :** SGK ; Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học pháp luật hình sự Việt Nam.

## **III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

### **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú học tập cho học sinh. Huy động được những kiến thức kỹ năng của học sinh về những vấn đề có liên quan đến pháp luật hình sự để dẫn dắt vào bài học mới.

#### **b) Nội dung:**

- Giáo viên tổ chức trò chơi “Đối mặt”. Học sinh tham gia trò chơi chia sẻ về các hành vi vi phạm pháp luật và đưa ra được các bài học về các hành vi đó.

#### **c) Sản phẩm:**

- Học sinh chia sẻ được những tình huống, câu chuyện về những hành vi vi phạm pháp luật.

- Học sinh chia sẻ được những bài học rút ra được những hành vi vi phạm pháp luật đó .

#### **d) Tổ chức thực hiện:**

#### **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi đối mặt :
- + Phổ biến luật chơi
- + Chọn đội chơi
- + Chọn tổ giám sát

#### **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS tham gia trò chơi và trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

#### **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời các nhóm HS tham gia trò chơi và thực hiện nhiệm vụ
- Giáo viên mời tổ giám sát đánh giá hoạt động của các đội chơi
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung đoán được chủ đề học tập .

#### **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

- GV dẫn dắt HS vào bài học: Trong hệ thống pháp luật của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, mỗi ngành luật điều chỉnh một lĩnh vực quan hệ xã hội nhằm bảo vệ lợi ích của Nhà nước, của công dân, bảo đảm pháp chế, phòng chống vi phạm pháp luật. Khi tính chất nguy hiểm của hành vi vi phạm pháp luật chưa cao, Nhà nước có thể áp dụng các chế tài hành chính, dân sự,... nhưng khi hành vi vi phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cao, Nhà nước sẽ áp dụng các biện pháp xử lý nghiêm khắc đó chính là chế tài hình sự, được quy định trong pháp luật hình sự. Bài học giúp các em hiểu về khái niệm và các nguyên tắc cơ bản của pháp luật hình sự Việt Nam; nhận biết tác hại, hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật hình sự trong các tình huống thường gặp và nêu được ý kiến phân tích, đánh giá, tranh luận về một số vấn đề đơn giản thường gặp liên quan đến pháp luật hình sự. Để tìm hiểu rõ những vấn đề này chúng ta sẽ đi tìm hiểu bài học ngày hôm nay – *Bài 6 : Khái niệm nguyên tắc cơ bản của pháp luật hình sự Việt Nam.*

### **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

#### **Hoạt động 1: Tìm hiểu khái niệm pháp luật hình sự và các thuật ngữ cơ bản của pháp luật hình sự**

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS nêu được khái niệm pháp luật hình sự và các thuật ngữ cơ bản của pháp luật hình sự .

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề; HS làm việc cá nhân, nhóm đọc các thông tin tình huống và trả lời câu hỏi về khái niệm pháp luật hình sự và các thuật ngữ cơ bản của pháp luật hình sự.

**c. Sản phẩm học tập:** HS trả lời và ghi được vào vở khái niệm pháp luật hình sự và các thuật ngữ cơ bản của pháp luật hình sự.

#### **d. Tổ chức hoạt động:**

##### **\* Khái niệm pháp luật hình sự**

#### **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin SGK tr.42 và trả lời câu hỏi:

*1/ M đã có hành vi vi phạm pháp luật như thế nào? M đã phải gánh chịu hậu quả pháp lí gì?*

*2/ Pháp luật hình sự có vị trí, vai trò như thế nào trong hệ thống pháp luật Việt Nam?*

- GV dẫn HS đọc phần Ghi nhớ, rút ra kết luận và cho biết: *thế nào là pháp luật hình sự ?*

#### **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS đọc thông tin SGK tr.42 và trả lời câu hỏi tình huống.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

#### **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi .

- GV mời đại diện HS rút ra kết luận pháp luật hình sự là gì.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

#### **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới

- *Trả lời câu hỏi trong đoạn thông tin:*

1. M đã có hành vi vi phạm pháp luật là : M đã sử dụng tài khoản mạng xã hội đăng tải nhiều nội dung sai sự thật, xuyên tạc, nói xấu chính quyền nhằm chống phá Đảng và Nhà nước, gây hoang mang trong nhân dân.

- M đã phải gánh chịu hậu quả pháp lý là: M bị Toà án nhân dân tuyên phạt 7 năm tù về tội phát tán thông tin, tài liệu nhằm chống Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (khoản 1 Điều 117 Bộ luật Hình sự)

2. Pháp luật có vị trí vai trò : Trong hệ thống pháp luật Việt Nam, luật hình sự có nhiệm vụ bảo vệ các quan hệ xã hội cơ bản và quan trọng nhất, đó là: bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của nhân dân, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, tổ chức, Nhà nước, bảo vệ trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa. Quan hệ xã hội được luật hình sự điều chỉnh là quan hệ giữa Nhà nước và người phạm tội khi người đó thực hiện hành vi mà Bộ luật Hình sự quy định là tội phạm.

*Pháp luật hình sự là một ngành luật độc lập trong hệ thống pháp luật Việt Nam, bao gồm các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành, xác định những hành vi nguy hiểm cho xã hội bị coi là tội phạm, đồng thời quy định hình phạt áp dụng đối với cá nhân và pháp nhân thực hiện các tội phạm đó.*

#### **\* Các thuật ngữ cơ bản của pháp luật hình sự**

##### **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS làm việc nhóm, đọc thông tin tình huống và trả lời câu hỏi SGK:
- GV dẫn HS đọc phần Ghi nhớ, rút ra kết luận về các thuật ngữ cơ bản của pháp luật hình sự Việt Nam

##### **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS đọc thông tin tình huống, thảo luận và trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

##### **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV mời đại diện HS rút ra kết luận về các thuật ngữ cơ bản về pháp luật hình sự Việt Nam

##### **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức

- Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật Hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hoá, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm quyền con người, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, xâm phạm những

lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa mà theo quy định của Bộ luật này phải bị xử lý hình sự

- Năng lực trách nhiệm hình sự được xác định dựa vào độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi của người thực hiện hành vi.
- Trách nhiệm hình sự là hậu quả pháp lý bất lợi mà người phạm tội phải gánh chịu do hành vi tội phạm của mình như: hình phạt, các biện pháp tư pháp khác được quy định trong Bộ luật Hình sự nhằm tước bỏ hoặc hạn chế quyền và lợi ích của người phạm tội.
- Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước được quy định trong Bộ luật Hình sự, do Tòa án quyết định áp dụng đối với người hoặc pháp nhân thương mại phạm tội nhằm tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của người, pháp nhân thương mại đó (Điều 30 Bộ luật Hình sự).

## **Hoạt động 2: Tìm hiểu các nguyên tắc cơ bản của pháp luật hình sự Việt Nam**

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS nêu được các nguyên tắc cơ bản của pháp luật hình sự Việt Nam.

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ theo phương pháp dự án ; HS làm việc theo nhóm và báo cáo kết quả, rút ra được kết luận về các nguyên tắc cơ bản của pháp luật hình sự Việt Nam.

**c. Sản phẩm học tập:**

- Bài báo cáo của học sinh về các nguyên tắc cơ bản của pháp luật hình sự Việt Nam.
- HS trả lời và ghi được vào vở các nguyên tắc cơ bản của pháp luật hình sự Việt Nam.

**d. Tổ chức hoạt động:**

### **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS nghiên cứu thông tin và tình huống trong sách giáo khoa làm thành sản phẩm báo cáo của nhóm.
- GV yêu cầu HS báo cáo kết quả dự án

### **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS làm việc nhóm theo kỹ thuật mảnh ghép để thực hiện nhiệm vụ.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

### **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện nhóm lên báo cáo kết quả dự án.
- GV mời các nhóm khác nhận xét và bổ sung

### **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới:

**Nguyên tắc pháp chế** xã hội chủ nghĩa trong luật hình sự Việt Nam được thể hiện ở việc xét xử hình sự phải đúng người, đúng tội, không bỏ lọt tội phạm, không xử oan người vô tội, hình phạt phải tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm. Nguyên tắc pháp chế đòi hỏi việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội phải tuân thủ các quy định của pháp luật hình sự. Chỉ được kết tội về tội danh cụ thể đã được quy định trong Bộ luật Hình sự, chỉ được tuyên hình phạt trong

khung hình phạt mà Bộ luật Hình sự quy định.

**Nguyên tắc bình đẳng:** Mọi công dân Việt Nam, không phân biệt địa vị xã hội, giới tính, dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, vùng miền đều được luật hình sự Việt Nam đối xử công bằng như nhau, không miễn trừ cho ai, không cho ai được hưởng quyền ưu đãi ngoại lệ. Mọi người phạm tội như nhau đều bị xử lý như nhau, việc áp dụng hình phạt chỉ căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự

**Nguyên tắc dân chủ** là nguyên tắc hiến định, trong luật hình sự, nội dung của nguyên tắc này thể hiện: Luật hình sự bảo vệ các quyền dân chủ của công dân trong tất cả các mặt của đời sống xã hội, kiên quyết xử lý các hành vi xâm phạm những quyền dân chủ của công dân; bảo đảm cho nhân dân lao động tự mình hay thông qua các tổ chức xã hội tham gia vào xây dựng luật hình sự, giám sát việc áp dụng Bộ luật Hình và phòng ngừa tội phạm.

**Nguyên tắc nhân đạo** là một trong những nguyên tắc cơ bản của luật hình sự. Nội dung cơ bản của nguyên tắc nhân đạo là tạo điều kiện cho người phạm tội tự cải tạo, làm lại cuộc đời và có cơ hội đề sớm hoà nhập vào cộng đồng. Hình phạt trong pháp luật hình sự không chỉ nhằm trừng trị người phạm tội mà còn giáo dục họ ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa họ phạm tội mới; giúp họ trở thành công dân có ích cho xã hội.

**Nguyên tắc hành vi** được thể hiện rõ trong Điều 8 Bộ luật Hình sự: “Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật Hình sự...” (khoản 1). Các hành vi phạm tội được mô tả trong từng tội danh cụ thể của Bộ luật Hình sự. Bằng nguyên tắc hành vi, ngành luật hình sự Việt Nam cấm truy cứu trách nhiệm hình sự đối với tư tưởng của con người.

**Nguyên tắc có lỗi** trong pháp luật hình sự thể hiện, một người thực hiện hành vi gây thiệt hại cho xã hội chỉ bị truy cứu trách nhiệm hình sự khi người đó có lỗi. Những hành vi gây thiệt hại cho xã hội nhưng người thực hiện hành vi đó không có lỗi (vì những lí do như: họ bị mất năng lực nhận thức và khả năng điều khiển hành vi vì mắc bệnh tâm thần hoặc họ ở trong tình trạng bất khả kháng) thì không bị coi là tội phạm và chủ thể thực hiện hành vi đó không phải chịu trách nhiệm hình sự.

**Nguyên tắc phân hoá trách nhiệm hình sự** được biểu hiện qua việc:

- Pháp luật hình sự căn cứ vào tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội làm cơ sở phân loại tội phạm, xác định hình phạt và cụ thể hoá hình phạt trong từng trường hợp.
- Phân loại tội phạm thành các nhóm tội khác nhau để có các quy định khác nhau về trách nhiệm hình sự.
- Đa dạng hoá hệ thống hình phạt.
- Phân hoá chế tài của mỗi tội thành nhiều khung hình phạt khác nhau,...
- Chi tiết hoá các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự (Điều 51,52

Bộ luật Hình sự).

Khi quyết định hình phạt đối với những người đồng phạm, Tòa án phải xét đến tính chất của đồng phạm, tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng người đồng phạm. Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng hoặc loại trừ trách nhiệm hình sự thuộc người đồng phạm nào, thì chỉ áp dụng đối với người đó (Điều 58 Bộ luật Hình sự).

### C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS củng cố được những kiến thức vừa khám phá qua việc bày tỏ ý kiến, nhận xét hành vi, xử lý tình huống,... về những vấn đề liên quan khái niệm, các nguyên tắc của pháp luật hình sự Việt Nam.

**b. Nội dung:** GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi bài tập 1,2,3,4,5,6 phần Luyện tập SGK tr.51,52,53; HS vận dụng kiến thức đã học, vận dụng kiến thức thực tế và thực hiện nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm học tập:**

- HS đưa ra quan điểm đồng tình hay không đồng tình với ý kiến và giải thích tại sao.
- HS chỉ ra được tác hại hậu quả của các hành vi vi phạm pháp luật hình sự.
- HS đóng vai để xử lý các tình huống SGK đưa ra.

**d. Tổ chức hoạt động:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV tổ chức hoạt động nhóm

Nhóm 1: bài tập 1,2

Nhóm 2: bài tập 3,5

Nhóm 3: bài tập 6

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS vận dụng kiến thức đã học thảo luận theo nhóm và làm các câu hỏi
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện 3 nhóm trình bày kết quả thảo luận:

**Nhóm 1:**

Bài tập 1: Em đồng tình hay không đồng tình với nhận định nào dưới đây về tội phạm? Vì sao?

- Tất cả những hành vi nguy hiểm cho xã hội đều là tội phạm. ( không đồng tình, vì tội phạm phải là những hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện)
- Một hành vi bị coi là tội phạm khi có dấu hiệu có lỗi và gây nguy hiểm cho xã hội. ( không đồng tình vì chưa đáp ứng được yêu cầu , tội phạm còn do người có đủ năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện)
- Trong một số trường hợp, hành vi đe dọa sẽ gây ra thiệt hại cho xã hội cũng là hành vi nguy hiểm cho xã hội. ( đồng tình vì nếu hành vi đe dọa đó có căn cứ làm cho người bị đe dọa lo sợ rằng việc đe dọa này sẽ được thực hiện thì hành vi đó cũng được coi là hành vi nguy hiểm cho xã hội )

d. Đối với mỗi tội danh, người phạm tội sẽ bị áp dụng nhiều hình phạt chính. (không đồng tình, vì đối với mỗi tội phạm, người phạm tội chỉ bị áp dụng một hình phạt hành chính và có thể bị áp dụng một hoặc một số hình phạt bổ sung)

e. Hình phạt được áp dụng dựa trên hậu quả của hành vi phạm tội. ( không đồng tình, vì khi quyết định hình phạt, tòa án căn cứ vào quy định của bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự)

g. Mục đích của hình phạt là trừng trị người phạm tội. ( không đồng tình, vì hình phạt ngoài mục đích trừng phạt người phạm tội, còn có mục đích giáo dục họ ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa họ phạm tội mới; giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm)

- GV mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung.

Bài tập 2: Hãy chỉ ra tác hại và hậu quả của các hành vi vi phạm pháp luật hình sự sau:

a. Đua xe trái phép là hành vi cản trở giao thông, gây nguy hiểm, mất an toàn đối với người tham gia giao thông và bản thân.

b. Trộm cắp tài sản của công dân là hành vi xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân.

c. Trả thù người tố cáo là hành vi xâm phạm đến quyền tố cáo – xâm phạm một trong các quyền dân chủ của công dân.

d. Làm, tàng trữ, phát tán hoặc tuyên truyền thông tin, tài liệu, vật phẩm có nội dung bịa đặt, gây hoang mang trong nhân dân là hành vi xâm phạm trật tự an toàn xã hội.

e. Vận chuyển trái phép hàng hoá, tiền tệ qua biên giới là hành vi xâm phạm trật tự quản lý kinh tế .

- Đây là những hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong bộ luật hình sự. Người thực hiện hành vi này tùy theo tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi, lỗi của người thực hiện hành vi... có thể chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Nhóm 2:

Bài tập 3: Trường hợp nào sau đây phải chịu trách nhiệm hình sự? vì sao?

- Q không phải chịu trách nhiệm hình sự do không có lỗi

- O phải chịu trách nhiệm hình sự do có hành vi trộm cắp tài sản được quy định tại điều 173 bộ luật hình sự.

- N không phải chịu trách nhiệm hình sự do tỉ lệ thương tật của người bị đánh < 11%

- Y sẽ phải chịu trách nhiệm hình sự do thực hiện hành vi bẻ khóa, lấy cắp xe. H 14 tuổi do đứng cảnh giới nên không phải chịu trách nhiệm hình sự nhưng bị xử lý vi phạm pháp luật hành chính.

Bài tập 5: Em hãy phân tích tác hại, hậu quả có thể xảy ra nếu Y, N thực hiện ý định của mình.

- Trộm cắp là hành vi nguy hiểm cho xã hội, được quy định tại điều 173 bộ luật hình sự. Nếu thực hiện ý định Y sẽ phạm tội trộm cắp tài sản và có thể bị phạt tù theo quy định của pháp luật. Đây là ý định sai, Y không nên thực hiện.

- Hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có hành vi vi phạm pháp luật hình sự quy định tại điều 323 bộ luật hình sự và phải chịu trách nhiệm pháp lý, có thể

bị phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm. N không nên thực hiện ý định này.

Nhóm 3:

Bài tập 6: Em hãy cùng bạn đóng vai để đưa ra lời khuyên cho S và Ph trong các tình huống sau:

- Khuyên S kêu to để mọi người xung quanh phát hiện để giúp S ngăn ngừa hành vi phạm tội. Hoặc khuyên S có thể gọi điện thông báo cho số điện thoại đường dây nóng hay báo cho người thân nhằm ngăn ngừa hành vi phạm tội.
- Khuyên bạn không đi giao ma túy cho ông M, vì vận chuyển ma túy là phạm tội theo quy định tại điều 250 bộ luật hình sự.

#### **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét.

### **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng những điều đã học vào thực tiễn cuộc sống để phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan tới pháp luật hình sự một cách chủ động và sáng tạo

**b. Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng kiến thức đã học, kiến thức thực tế, tìm kiếm tư liệu, thông tin để thực hiện nhiệm vụ

#### **c. Sản phẩm học tập:**

- Bài chia sẻ quan điểm cá nhân về vai trò của pháp luật hình sự trong việc đấu tranh phòng, chống tội phạm.
- Chia sẻ cảm xúc và suy nghĩ của bản thân về một trường hợp

#### **d. Tổ chức hoạt động:**

**Bài tập 1:** Em hãy viết bài chia sẻ quan điểm cá nhân về vai trò của pháp luật hình sự trong việc đấu tranh phòng, chống tội phạm

#### **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân và thực hiện nhiệm vụ sau tiết học: *Em hãy tìm hiểu, viết bài chia sẻ quan điểm cá nhân về vai trò của pháp luật hình sự trong việc đấu tranh phòng, chống tội phạm*
- GV trình chiếu cho HS tham khảo bài phân tích

#### **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS về nhà tìm hiểu và viết bài chia sẻ quan điểm cá nhân về vai trò của pháp luật hình sự trong việc đấu tranh phòng, chống tội phạm.
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

#### **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**

HS báo cáo kết quả thực hiện vào tiết học sau.

#### **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang bài tập mới.

**Bài tập 2:** Trong thời gian chấp hành án tù tại trại giam, anh X thật sự ăn năn, hối lỗi về việc làm của mình nên tích cực học tập, tự giác chấp hành nội quy sinh hoạt, lao động của trại giam. Anh đã được giảm án 3 năm tù và được ra tù trước thời hạn. Em hãy viết một đoạn văn chia sẻ cảm xúc và suy nghĩ của bản thân về trường hợp anh X.

#### **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân và thực hiện nhiệm vụ sau tiết học

## **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS về nhà đọc tình huống và viết một đoạn văn chia sẻ cảm xúc và suy nghĩ của bản thân
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

## **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**

Báo cáo kết quả thực hiện vào tiết học sau.

## **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, kết thúc tiết học.

### **\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ:**

- Ôn tập lại nội dung kiến thức đã được học.
- Làm bài tập 4/ sgk-52 phần luyện tập
- Đọc và tìm hiểu trước nội dung kiến thức *bài 7: Pháp luật hình sự liên quan đến người chưa thành niên.*

\*\*\*\*\*

## **BÀI 7: MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN PHẠM TỘI**

### **I. MỤC TIÊU**

#### **1. Về kiến thức**

Nêu được nội dung cơ bản của pháp luật hình sự liên quan đến người dưới 18 tuổi phạm tội.

#### **2. Về năng lực**

- Năng lực chung:
  - + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về pháp luật hình sự liên quan đến người dưới 18 tuổi phạm tội.
  - + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.
  - + Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến người dưới 18 tuổi phạm tội.
- Năng lực đặc thù:
  - + Năng lực điều chỉnh hành vi: Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi, việc làm phù hợp với quy định của pháp luật hình sự liên quan đến người chưa thành niên; Phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi, việc làm vi phạm pháp luật hình sự liên quan đến người chưa thành niên.
  - + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Hiểu được một số vấn đề cơ bản về pháp luật hình sự Việt Nam liên quan đến người chưa thành niên

#### **3. Về phẩm chất**

- Trung thực và có trách nhiệm công dân khi thực hiện pháp luật hình sự.
- Nhân ái, yêu nước, tin tưởng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Bộ luật Hình sự Việt Nam.

### **II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- **Thiết bị:** Mạng Internet; Laptop, Máy chiếu, phần mềm thiết kế câu hỏi, phần mềm tạo video, powerpoint.

- **Học liệu:** Tranh ảnh, clip và các mẫu chuyện về pháp luật hình sự liên quan đến người chưa thành niên

### **III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

#### **Hoạt động 1. Xác định vấn đề**

**a. Mục tiêu:** Khai thác vốn sống, hiểu biết của học sinh về pháp luật hình sự, tạo hứng thú và những hiểu biết ban đầu của HS về chủ đề bài học mới.

**b. Nội dung:** GV cho HS xem video clip vụ thảm án tại Bắc Giang. HS xem và thực hiện các yêu cầu.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS là những nội dung cơ bản của pháp luật hình sự liên quan đến người chưa thành niên như: tuổi chịu trách nhiệm hình sự, nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

#### **d. Cách tiến hành:**

##### **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV cho HS xem video clip vụ án Lê Văn Luyện - năm 2012

<https://youtu.be/ETQk7sFKqs8>

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

+ *Trình bày suy nghĩ của em về hành động của Lê Văn Luyện?*

+ *Bài học rút ra từ trường hợp Lê Văn Luyện?*

##### **Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS xem clip và trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

##### **Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV mời đại diện 1-2 HS trả lời câu hỏi trước lớp: *Một hành vi giết người dã man, tàn bạo, cố ý giết người cướp của. Lê Văn Luyện chưa đủ 18 tuổi như vậy cho thấy tội phạm ngày càng trẻ hóa ở Việt Nam. Việc Giáo dục pháp luật cho người chưa thành niên rất quan trọng trong xã hội hiện nay.*

- GV mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung.

##### **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

- GV dẫn dắt HS vào bài học: Pháp luật hình sự luôn đề cao nguyên tắc bình đẳng, dân chủ. Tuy nhiên, xuất phát từ quan điểm lứa tuổi vị thành niên chưa phát triển đầy đủ về thể chất, trình độ nhận thức, tâm lý mà pháp luật hình sự đã có những quy định riêng cho lứa tuổi này để đảm bảo tính khách quan, chính xác và thể hiện tính ưu việt trong pháp luật của Nhà nước Việt Nam. Bài học này giúp chúng ta biết được nội dung cơ bản của pháp luật hình sự liên quan đến người chưa thành niên như: tuổi chịu trách nhiệm hình sự, nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Qua đó, các em tự xây dựng ý thức chấp hành pháp luật hình sự và đấu tranh phòng, chống tội phạm ở lứa tuổi thanh thiếu niên.

#### **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới**

##### **2.1: Tuổi chịu trách nhiệm hình sự**

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS nhận biết được quy định của pháp luật hình sự về độ tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề; HS làm việc cá nhân, đọc các trường hợp SGK tr.54 đưa ra và trả lời câu hỏi; HS rút ra được kết luận về độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật hình sự.

**c. Sản phẩm:** HS nêu và ghi được vào vở bộ luật hình sự quy định độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự.

**d. Cách tiến hành:**

- GV hướng dẫn HS đọc trường hợp trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Vì sao S và H cùng tham gia vụ trộm cắp tài sản nhưng chỉ có S bị truy cứu trách nhiệm hình sự, Còn H bị xử lý hành chính

2/ Tại sao khi xử lý hành vi vi phạm pháp luật hình sự phải xác định rõ tuổi của người vi phạm?

- HS khác nhận xét, bổ sung ý kiến.

- GV nhận xét, gợi ý câu trả lời:

1/ Theo điều 12 Bộ luật hình sự về tuổi chịu trách nhiệm hình sự, mặc dù S và H là đồng phạm trong vụ trộm cắp tài sản nhưng S trên 16 tuổi nên bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội trộm cắp tài sản ( điều 173 bộ luật hình sự); H 13 tuổi bị xử lý hành chính về hành vi vi phạm pháp luật của mình.

2/ Tại điều 12 bộ luật hình sự về quy định Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự đối với những tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm, trừ những tội phạm mà Bộ luật Hình sự có quy định khác.

- Hs trả lời câu hỏi

- GV nhận xét, bổ sung, phân tích, kết luận (theo nội dung chốt kiến thức trong SGK).

Bộ luật Hình sự quy định tuổi chịu trách nhiệm hình sự như sau:

- Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự đối với những tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng quy định tại một trong các điều 123, 134, 141, 142, 143, 144, 150, 151, 168, 169, 170, 171, 173, 178, 248, 249, 250, 251, 252, 265, 266, 286, 287, 289, 290, 299, 303 và 304 của Bộ luật Hình sự.

- Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm, trừ những tội phạm mà Bộ luật Hình sự có quy định khác.

## 2.2: Nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS nêu được Nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định của bộ luật hình sự Việt Nam.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề; HS làm việc theo nhóm, đọc các trường hợp trong SGK.tr 55. Hs nêu được nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định bộ luật hình sự.

**c. Sản phẩm:** HS nêu và ghi được vào vở Nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định của bộ luật hình sự'

**d. Cách tiến hành:**

- GV chia lớp làm 4 nhóm (2 nhóm 1 nhiệm vụ) đọc 2 trường hợp trong SGK và trả lời câu hỏi.

1/ Vì sao cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra quyết định miễn trách nhiệm hình sự và áp dụng biện pháp giám sát, giáo dục đối với c và T?

2/ Em hãy nêu ý nghĩa của nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong Bộ luật Hình sự.

- Giáo viên mời 2 trả lời câu hỏi- 2 nhóm còn lại nhận xét bổ sung.

- Giáo viên nhận xét và kết luận

1/ C và T thật sự ăn năn và hối lỗi về hành vi vi phạm của mình. Bản thân C và T đã cung gia đình khắc phục hậu quả thành thật khai báo và nhận tội. Nhận thấy C và T có khả năng giáo dục, cải tạo, cơ quan có thẩm quyền miễn trách nhiệm hình sự và áp dụng biện pháp giáo dục đối với C và T

2/ Nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội thể hiện nguyên tắc nhân đạo của pháp luật hình sự.

- GV nhận mạnh nội dung của nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, chốt kiến thức

Theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Hình sự, nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội như sau:

- Việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội phải căn cứ vào độ tuổi, khả năng nhận thức của họ về tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội, phải bảo đảm lợi ích tốt nhất và nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội.
- Người dưới 18 tuổi phạm tội thuộc trường hợp pháp luật quy định, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tự nguyện khắc phục phần lớn hậu quả, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự và áp dụng các biện pháp do pháp luật quy định.
- Việc truy cứu trách nhiệm hình sự người dưới 18 tuổi phạm tội chỉ trong trường hợp cần thiết và phải căn cứ vào những đặc điểm về nhân thân của họ, tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và yêu cầu của việc phòng ngừa tội phạm.
- Khi xét xử, Tòa án chỉ áp dụng hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội nếu xét thấy việc miễn trách nhiệm hình sự và áp dụng một trong các biện pháp giám sát, giáo dục hoặc việc áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng không bảo đảm hiệu quả giáo dục, phòng ngừa. Không xử phạt tù chung thân hoặc tử hình đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.
- Án đã tuyên đối với người chưa đủ 16 tuổi phạm tội, thì không tính để xác định tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm.

### 2.3: Tìm hiểu về Các biện pháp xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS nhận biết được Các biện pháp giám sát, giáo dục áp dụng trong trường hợp được miễn trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, Biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, Các hình phạt áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề; HS làm việc nhóm về các nội dung a,b,c trong SGK tr56,57,58,59 Các biện pháp giám sát, giáo dục áp dụng trong trường hợp được miễn trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, Biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng Các hình phạt áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

**c. Sản phẩm:** HS nêu và ghi được vào vở Các biện pháp giám sát, giáo dục áp dụng trong trường hợp được miễn trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, Biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, Các hình phạt áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

#### **d. Cách tiến hành:**

- GV chia lớp thành 3 nhóm, đọc thông tin, nghiên cứu trường hợp, thảo luận về Các biện pháp giám sát, giáo dục áp dụng trong trường hợp được miễn trách nhiệm

hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, Biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng Các hình phạt áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

Nhóm 1: Tìm hiểu Các biện pháp giám sát, giáo dục áp dụng trong trường hợp được miễn trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

Nhóm 2: Tìm hiểu Biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng

Nhóm 3: Tìm hiểu Các hình phạt áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

- Các nhóm thảo luận, báo cáo (GV hướng dẫn khi cần thiết)

#### **+ Sản phẩm nhóm 1:**

##### **• Biện pháp khiển trách**

Biện pháp khiển trách nhằm giúp người dưới 18 tuổi phạm tội nhận thức rõ hành vi phạm tội và hậu quả gây ra đối với cộng đồng, xã hội và nghĩa vụ của họ.

Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát hoặc Toà án quyết định áp dụng biện pháp khiển trách. Việc khiển trách đối với người dưới 18 tuổi phạm tội phải có sự chứng kiến của cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp của người dưới 18 tuổi (khoản 2 Điều 93 Bộ luật Hình sự).

Người bị khiển trách phải thực hiện các nghĩa vụ sau đây:

Tuân thủ pháp luật, nội quy, quy chế của nơi cư trú, học tập, làm việc.

Trình diện trước cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu trong thời gian từ 3 đến 12 tháng.

Tham gia các chương trình học tập, dạy nghề do địa phương tổ chức, tham gia lao động với hình thức phù hợp trong thời gian từ 3 đến 12 tháng (khoản 3, 4 Điều 93 Bộ luật Hình sự)

##### **• Biện pháp hoà giải tại cộng đồng**

Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát hoặc Toà án phối hợp với uỷ ban nhân dân cấp xã tổ chức việc hoà giải tại cộng đồng khi người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của người bị hại đã tự nguyện hoà giải và đề nghị miễn trách nhiệm hình sự (khoản 2 Điều 94 Bộ luật Hình sự).

Người được áp dụng biện pháp hoà giải tại cộng đồng phải thực hiện các nghĩa vụ sau đây:

+ Xin lỗi người bị hại và bồi thường thiệt hại.

+ Tuân thủ pháp luật, nội quy, quy chế của nơi cư trú, học tập, làm việc.

+ Trình diện trước cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.

+ Tham gia các chương trình học tập, dạy nghề do địa phương tổ chức.

+ Cam kết hoàn thành nghĩa vụ bồi thường thiệt hại (nếu có).

##### **• Biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn**

Người dưới 18 tuổi phạm tội được áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn phải chịu sự kiểm tra, giám sát và giáo dục của xã, phường, thị trấn và thực hiện các nghĩa vụ sau:

+ Chấp hành đầy đủ nghĩa vụ về học tập, lao động.

+ Chịu sự giám sát, giáo dục của gia đình, xã, phường, thị trấn.

+ Không đi khỏi nơi cư trú khi không được phép.

+ Các nghĩa vụ quy định trong trường hợp áp dụng biện pháp khiển trách.

Nếu người được giáo dục tại xã, phường, thị trấn đã chấp hành một phần hai thời hạn, có nhiều tiến bộ thì theo đề nghị của uỷ ban nhân dân cấp xã được giao trách

nhiệm quản lí, giáo dục, cơ quan đã áp dụng biện pháp này có thể quyết định chấm dứt thời hạn giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

**+ Sản phẩm của nhóm 2: Biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng**

Toà án là cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng từ 1 năm đến 2 năm đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, nếu thấy do tính chất nghiêm trọng của hành vi phạm tội, do nhân thân và môi trường sống của người phạm tội mà cần đưa người đó vào một tổ chức giáo dục có kỉ luật chặt chẽ (khoản 1 Điều 96 Bộ luật Hình sự).

Người được giáo dục tại trường giáo dưỡng phải chấp hành đầy đủ những nghĩa vụ về học tập, học nghề, lao động, sinh hoạt dưới sự quản lí, giáo dục của nhà trường (khoản 2 Điều 96 Bộ luật Hình sự).

Nếu người được giáo dục tại trường giáo dưỡng đã chấp hành một phần hai thời hạn, có nhiều tiến bộ, thì theo đề nghị của trường giáo dưỡng được giao trách nhiệm quản lí, giáo dục, Toà án có thể quyết định chấm dứt trước thời hạn biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng (Điều 97 Bộ luật Hình sự).

**+ Sản phẩm nhóm 3: Các hình phạt áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội**

- Cảnh cáo: Cảnh cáo là hình phạt chính áp dụng đối với người phạm tội ít nghiêm trọng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng chưa đến mức miễn hình phạt.

- Phạt tiền: Hình phạt tiền được áp dụng là hình phạt chính đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội, có thu nhập hoặc có tài sản riêng. Mức phạt không quá một phần hai mức tiền phạt mà điều luật quy định (Điều 99 Bộ luật Hình sự).

- Cải tạo không giam giữ: là hình thức Toà án giao trách nhiệm giám sát, giáo dục người bị phạt cải tạo không giam giữ cho cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc, học tập hoặc uỷ ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức hoặc uỷ ban nhân dân cấp xã trong việc giám sát, giáo dục họ.

Hình phạt cải tạo không giam giữ được áp dụng đối với người từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng do vô ý hoặc phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng hoặc người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng. Khi áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, thì không khấu trừ thu nhập của người đó.

Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với người dưới 18 tuổi phạm tội không quá một phần hai thời hạn mà điều luật quy định.

- Phạt tù có thời gian: Khi áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với người dưới 18 tuổi phạm tội cần căn cứ vào nguyên tắc xử lí đối với người dưới 18 tuổi quy định tại Điều 91 Bộ luật Hình sự và quy định tại Điều 101 Bộ luật Hình sự như sau:

+ Đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi phạm tội, nếu điều luật được áp dụng quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 18 năm tù; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định

+ Đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi khi phạm tội, nếu điều luật được áp dụng quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 12 năm tù; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá một phần hai mức phạt tù mà điều luật quy định.

## **2.4 Mức hình phạt, tổng hợp hình phạt, miễn giảm hình phạt, tha tù trước thời hạn; xoá án tích đối với người dưới 18 tuổi phạm tội**

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS nhận biết được mức hình phạt, tổng hợp hình phạt, miễn giảm hình phạt, tha tù trước thời hạn; xoá án tích đối với người dưới 18 tuổi phạm tội

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề; HS làm việc cá nhân về nội dung mức hình phạt, tổng hợp hình phạt, miễn giảm hình phạt, tha tù trước thời hạn; xoá án tích đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

**c. Sản phẩm:** HS nêu và ghi được vào vở mức hình phạt, tổng hợp hình phạt, miễn giảm hình phạt, tha tù trước thời hạn; xoá án tích đối với người dưới 18 tuổi phạm tội

### **d. Cách tiến hành:**

- GV yêu cầu học sinh đọc các trường hợp và trả lời câu hỏi.

#### **Nội dung 1: *Tổng hợp hình phạt***

1/ Năm 15 tuổi, V phạm những tội nào? Theo em, Toà án sẽ quyết định hình phạt thế nào?

2/ Khi xem xét tội của V ở lần phạm tội năm 17 tuổi, Toà án có bỏ qua lần phạm tội năm 15 tuổi không vì sao?

#### **Nội dung 2: *Giảm mức hình phạt đã tuyên***

1/ Vì sao N được đề nghị giảm mức hình phạt đã tuyên?

2/ Em hãy nêu ví dụ minh họa về điều kiện để được giảm mức hình phạt đã tuyên đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định của luật hình sự?

#### **Nội dung 3: *Tha tù trước thời hạn có điều kiện***

---

1/ U đã làm gì để được tha tù trước thời hạn?

2/ Em hãy nêu ví dụ minh họa về điều kiện tha tù trước thời hạn đối với người dưới 18 tuổi phạm

---

#### **Nội dung 4: *Xoá án tích***

1/ Án tích là gì? Việc xoá án tích sẽ đem lại điều gì đối với người dưới 18 tuổi phạm tội khi tái

hoà nhập cộng đồng?

2/ Vì sao M không có án tích?

3/ Em hãy nêu ý nghĩa của việc xoá án tích đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

- HS trả lời câu hỏi trong sgk . GV nhận xét và kết luận

### **Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS củng cố tri thức vừa khám phá rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống pháp luật.

#### **b. Nội dung:**

- GV cho HS trả lời nhanh một số câu hỏi trắc nghiệm về pháp luật

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi bài tập 1,2,3,4,5 phần Luyện tập SGK, HS vận dụng kiến thức đã học và thực hiện nhiệm vụ.

#### **c. Sản phẩm:**

- HS chọn được nhận định đúng - sai cho các câu hỏi trắc nghiệm.

-- HS xử lý tình huống SGK đưa ra.

#### **d. Cách tiến hành:**

- GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS làm bài tập 1,2,3,4,5 sgk.

1. Những nhận định về nguyên tắc xét xử đối với người dưới 18 tuổi phạm tội sau đây đúng hay sai? vì sao?

2. Chủ thể nào dưới đây phải chịu trách nhiệm hình sự? vì sao?

3. Em hãy đọc trường hợp dưới đây và cho biết biện pháp giám sát, giáo dục nào là phù hợp để áp dụng đối với Đ. vì sao?

4. Giải đáp pháp luật

5. Em hãy đưa ra lời khuyên cho các bạn trong những trường hợp sau:

- HS tiếp nhận nhiệm vụ và hoàn thiện

- GV nhận xét và kết luận.

### **Hoạt động 4. Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** HS tự giác áp dụng những điều đã học vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới nhằm tăng cường ý thức và kỹ năng thường xuyên vận dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách chủ động, sáng tạo.

**b. Nội dung:** GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 1, 2 phần Vận dụng SGK, HS vận dụng kiến thức đã học, sưu tầm thông tin, tư liệu, hình ảnh để thực hiện nhiệm vụ.

#### **c. Sản phẩm:**

#### **d. Cách tiến hành:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS

1-Em hãy tìm hiểu một vụ án về người dưới 18 tuổi phạm tội và chia sẻ bài học em rút ra từ câu chuyện đó.

2. Em hãy viết và chia sẻ với các bạn về các biện pháp phòng ngừa vi phạm pháp luật đối với người dưới 18 tuổi.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS vận dụng kiến thức đã học, sưu tầm thông tin, tư liệu, hình ảnh để thực hiện nhiệm vụ.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

HS báo cáo kết quả vào tiết học sau.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, chuẩn kiến thức, kết thúc tiết học.

#### IV. DẶN DÒ VỀ NHÀ

- Ôn tập lại nội dung kiến thức đã được học.